1. TÀI LIỆU ÔN THI KẾT THÚC MÔN

Phần 1: Triết học Mác – Lênin

1. Chủ nghĩa Mác – Lênin “là hệ thống quan điểm và học thuyết” khoa học của …Chọn từ thích hợp điền vào ô trống.
2. C. Mác
3. Ph. Ănghen
4. C.Mác và Ph.Ănghen và sự phát triển của Lênin
5. Không có phương án nào đúng
6. Hãy lựa chọn câu trả lời đúng nhất: Vấn đề cơ bản của triết học là vấn đề về…

a. Mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại

b. Mối quan hệ giữa con người với phần còn lại của thế giới vật chất

c. Mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội

d. Mối quan hệ giữa cái toàn thể với cái bộ phận

1. Hãy hoàn thiện luận điểm “Phép biện chứng chẳng qua chỉ là môn khoa học về……..của sự vận động và phát triển của tự nhiên, của xã hội loài người và của tư duy” (Ăngghen) bằng một trong bốn cụm từ dưới đây:
   1. Bản chất
   2. Những cơ sở thực tiễn
   3. Những quy luật phổ biến
   4. Những trạng thái khác nhau
2. Theo Ănghen, hình thức vận động nào nói lên sự thay đổi vị trí của vật thể trong không gian?
   1. Cơ học
   2. Lý học
   3. Xã hội
   4. Hóa học
3. Phạm trù nào nói lên mối liên hệ bản chất, tất nhiên, phổ biến, lặp đi lặp lại giữa các sự vật, hiện tượng hay giữa các nhân tố, các thuộc tính, các mặt trong cùng một sự vật, hiện tượng?
4. Phát triển
5. Quy luật
6. Vận động
7. Mặt đối lập
8. Đặc trưng cơ bản của quy luật xã hội là gì?
9. Diễn ra tự phát thông qua sự tác động của các lực lượng tự nhiên
10. Diễn ra tự giác thông qua sự tác động của các lực lượng tự nhiên
11. Hình thành và tác động thông qua hoạt động của con người nhưng không phụ thuộc vào ý thức của con người
12. Diễn ra tự phát qua sự tác động của các lực lượng siêu nhiên
13. Trong “Bút ký triết học”, Lênin viết: “Nhận thức là sự tiến gần mãi mãi và vô tận của … đến khách thể”. Hãy điền từ thích hợp vào chổ trống để hoàn thiện câu trên.
14. Chủ thể
15. Ý thức
16. Tư duy
17. Con người
18. Chọn câu trả lời đúng. Tri thức của con người ngày càng hoàn thiện là do đâu?
19. Thế giới đang vận động bộc lộ càng nhiều tính qui định
20. Nhờ sự nỗ lực hoạt động thực tiễn của con người
21. Nhờ hệ thống tri thức trước đó (chân lý) làm tiền đề
22. Do khả năng tổng hợp của trí tuệ của con người trong thời đại mới
23. Nguyên nhân sâu xa của cách mạng xã hội là:

a. Ý chí của giai cấp tiến bộ trong lịch sử

b. Sự bất bình của quần chúng nhân dân

c. Mâu thuẫn giữa quần chúng nhân dân và chính phủ

d. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất tiến bộ với quan hệ sản xuất lỗi thời

1. Vấn đề cơ bản của mọi cuộc Cách mạng theo Lênin là:

a. Vấn đề phương pháp

b. Vấn đề chính quyền

c. Vấn đề liên minh

d. Vấn đề thời cơ

1. Ăngghen cho rằng: “Cái mà người ta quả quyết cho là tất yếu lại hoàn toàn do những … thuần túy cấu thành, và cái được coi là …, lại là hình thức dưới đó ẩn nấp cái tất yếu”. Chọn câu trả lời đúng để hoàn thiện câu trên.
2. Tất nhiên
3. Ngẫu nhiên
4. Khả năng
5. Hiện thực
6. Chọn câu trả lời sai theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng.
7. Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức là mối quan hệ biện chứng
8. Nội dung và hình thức luôn luôn có sự phù hợp tuyệt đối
9. Nội dung thay đổi bắt buộc hình thức cũng phải biến đổi theo
10. Nội dung quyết định hình thức nhưng hình thức có tính độc lập tương đối và tác động trở lại nội dung
11. Chọn câu trả lời sai:
12. Cái riêng, cái chung và cái đơn nhất tồn tại độc lập với nhau
13. Cái chung là cái bộ phận, sâu sắc, bản chất hơn cái riêng
14. Cái riêng là cái toàn bộ, phong phú, đa dạng hơn cái chung
15. Trong điều kiện xác định, cái chung và cái đơn nhất có thể chuyển hóa cho nhau
16. Chân lý là gì?
17. Tri thức đúng
18. Tri thức phù hợp với hịện thực khách quan
19. Tri thức độc lập về nội dung phản ánh đối với ý chí chủ quan của con người
20. Tri thức phù hợp với hiện thực khách quan, được thực tiễn kiểm nghiệm
21. Chọn câu trả lời sai.
22. Chân lý có tính tương đối và tuyệt đối
23. Chân lý tuyệt đối là tổng số của các chân lý tương đối
24. Mỗi chân lý khoa học, dù có tính tương đối, vẫn chứa đựng một yếu tố của chân lý tuyệt đối
25. Chân lý là những tri thức mà nhiều người cùng thừa nhận là đúng
26. Một trong những vai trò của thực tiễn đối với nhận thức là:

a. Tiêu chuẩn để kiểm tra chân lý

b. Xác định được trình độ hiểu biết của chủ thể nhận thức

c. Khẳng định trong thực tiễn rằng ý thức là cái bị vật chất quy định

d. Các phương án trên đều sai

1. Các yếu tố cơ bản tạo thành tồn tại xã hội?
2. Phương thức sản xuất – điều kiện tự nhiên – dân cư
3. Phương thức sản xuất – lực lượng sản xuất – quan hệ sản xuất
4. Phương thức sản xuất – phương thức sinh hoạt – dân số
5. Các phương án trên đều sai
6. Theo Ănghen, “Sự phát triển của chính trị, pháp luật, triết học, tôn giáo, nghệ thuật đều dựa trên cơ sở sự phát triển …nhưng tất cả chúng cũng có ảnh hưởng lẫn nhau và ảnh hưởng đến cơ sở…”. chọn từ thích hợp điền vào ô trống để hoạn thiện câu trên
7. Vật chất
8. Văn hóa
9. Kinh tế
10. Xã hội
11. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình?
12. Lịch sử - tự nhiên
13. Tất yếu
14. Tất nhiên
15. Ngẫu nhiên
16. Định nghĩa giai cấp được Lênin đưa ra trong tác phẩm nào?
    1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán
    2. Tuyên ngôn Đảng cộng sản
    3. Bút ký triết học
    4. Sáng kiến vĩ đại
17. Nguồn gốc sinh ra giai cấp?
18. Chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất
19. Mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất và chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất
20. Do chiến tranh
21. Các phương án trên đều đúng
22. Để khống chế và đàn áp những cuộc đấu tranh giai cấp của những người lao động làm thuê, nhằm duy trì và thực hiện sự bóc lột, các giai cấp thống trị trong lịch sử phải sử dụng đến sức mạnh bạo lực có tổ chức nào?
23. Quân đội
24. Nhà tù
25. Nhà nước
26. Bao gồm các phương án trên
27. Hãy dùng một trong những cụm từ dưới đây để hoàn chỉnh luận điểm của Lênin: “Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp ....”

a. Mới xuất hiện trong xã hội

b. Gay gắt nhất

c. Không thể điều hoà

d. Đối kháng về lợi ích

1. Hãy dùng một trong bốn cụm từ sau để hoàn thiện luận điểm: “Nhà nước chẳng qua chỉ là một bộ máy của một giai cấp này dùng để........một giai cấp khác”.

a. Liên minh với

b. Tiêu diệt

c. Trấn áp

d. Kìm hãm

1. Lực lượng cơ bản tạo thành cộng đồng quần chúng nhân dân bao gồm:
2. Những người lao động sản xuất ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần.
3. Những bộ phận dân cư chống lại giai cấp thống trị áp bức bóc lột
4. Những giai cấp, tầng lớp thúc đẩy sự tiến bộ xã hội thông qua hoạt động của mình, trực tiếp hoặc gián tiếp trên các lĩnh vực của đời sống xã hội
5. Các phương án trên đều đúng
6. Ý thức có trước, vật chất có sau, ý thức quyết định vật chất, đây là quan điểm nào?
   1. Duy vật
   2. Duy tâm chủ quan
   3. Duy tâm
   4. Nhị nguyên
7. Ý thức, cảm giác con người sinh ra và quyết định sự tồn tại của các sự vật. Quan điểm này mang tính chất gì?
8. Duy tâm chủ quan
9. Duy tâm
10. Duy tâm khách quan
11. Duy vật
12. Ý thức, ý niệm tuyệt đối sinh ra thế giới, đây là quan điểm gì của Hegel?
13. Duy vật
14. Duy tâm chủ quan
15. Duy tâm
16. Duy tâm khách quan
17. Quan niệm rằng vật chất sinh ra ý thức và ý thức có thể tác động trở lại vật chất thông qua con người là quan điểm?

a. Duy tâm vì đề cao ý thức

b. Duy tâm chủ quan

c. Duy vật biện chứng

d. Duy vật siêu hình

1. Trong tư duy con người, phạm trù rộng nhất là phạm trù?

a. Vật chất

b. Quy luật

c. Tính phổ biến

d. Thuộc tính

1. Ph. Ăngghen viết: “Các hình thức tồn tại cơ bản của vật chất là không gian và thời gian. Và vật chất tồn tại ngoài thời gian cũng hoàn toàn … như tồn tại ngoài không gian”. Hãy chọn từ thích hợp dưới đây điền vào dấu … để hoàn thiện quan điểm trên.
2. Vô nghĩa
3. Vô tận
4. Vô lý
5. Vô hạn
6. Theo quan niệm triết học Mác- Lênin, tính thống nhất của thế giới là gì?
7. Tính hiện thực
8. Tính vật chất
9. Tính tồn tại
10. Tính khách quan
11. Hãy sắp xếp theo trình tự xuất hiện từ sớm nhất đến muộn nhất các hình thức thế quan sau:
12. Tôn giáo - thần thoại - triết học
13. Thần thoại - tôn giáo - triết học
14. Triết học - tôn giáo - thần thoại
15. Thần thoại - triết học - tôn giáo
16. Triết học nghiên cứu thế giới như thế nào?
17. Như một đối tượng vật chất cụ thể
18. Như một hệ đối tượng vật chất nhất định
19. Như một chỉnh thể thống nhất, toàn vẹn
20. Các phương án trên đều đúng
21. Triết học là gì?
22. Triết học là tri thức về thế giới tự nhiên
23. Triết học là tri thức về tự nhiên và xã hội
24. Triết học là tri thức lý luận về con người về vật chất
25. Triết học là hệ thống lý luận chung nhất của con người về thế giới và vị trí con người trong thế giới đó
26. Triết học ra đời trong điều kiện nào?
27. Xã hội phân chia thành giai cấp
28. Xuất hiện tầng lớp lao động trí óc
29. Tư duy của con người đạt trình độ tư duy khái quát cao và xuất hiện tầng lớp lao động trí thức
30. Các phương án trên đều đúng
31. Thời kỳ phục hưng là thời kỳ quá độ từ hình thái kinh tế xã hội nào sang hình thái kinh tế – xã hội nào?
32. Từ hình thái kinh tế – xã hội chiếm hữu nô lệ sang hình thái kinh tế – xã hội phong kiến
33. Từ hình thái kinh tế – xã hội phong kiến sang hình thái kinh tế – xã hội tư bản chủ nghĩa
34. Từ hình thái kinh tế – xã hội TBCN sang hình thái kinh tế – xã hội XHCN
35. Từ hình thái kinh tế – xã hội CSNT sang hình thái kinh tế – xã hội XHCN
36. Những nhà triết học nào xem thường kinh nghiệm, xa rời cuộc sống?
37. Chủ nghĩa kinh nghiệm
38. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
39. Chủ nghĩa kinh viện
40. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
41. Khẳng định nào sau đây là đúng:
42. Phép biện chứng của Hêghen là phép biện chứng duy vật
43. Phép biện chứng của Hêghen là phép biện chứng tự phát
44. Phép biện chứng của Hêghen là phép biện chứng duy tâm kháchquan

d. Phép biện chứng của Hêghen là phép biện chứng tiên nghiệm chủ quan

1. Theo Hêghen khởi nguyên của thế giới là gì?
2. Nguyên tử
3. Không khí
4. Ý niệm tuyệt đối
5. Vật chất
6. Trong số những nhà triết học sau đây, ai là người trình bày toàn bộ giới tự nhiên, lịch sử xã hội, và tư duy trong sự vận động, biến đổi và phát triển?
7. Đềcáctơ
8. Hêghen
9. Cantơ
10. Phoiơbắc
11. Luận điểm sau đây là của ai: “Cái gì tồn tại thì hợp lý, cái gì hợp lý thì tồn tại”.
12. Arixtốt
13. Cantơ
14. Hêghen
15. Phoiơbắc
16. C.Mác chỉ ra hạt nhân hợp lý trong triết học của Hêghen là gì ?
17. Chủ nghĩa duy vật
18. Chủ nghĩa duy tâm
19. Phép biện chứng như lý luận về sự phát triển
20. Tư tưởng về vận động
21. Phoiơbắc là nhà triết học theo trường phái nào?
22. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
23. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
24. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
25. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
26. Ông cho rằng: con người sáng tạo ra thượng đế, bản tính con người là tình yêu, tôn giáo cũng là một tình yêu. Ông là ai?
27. Cantơ
28. Hêghen
29. Phoiơbắc
30. Điđrô
31. Triết học Mác ra đời vào thời gian nào?
32. Những năm 20 của thế kỷ XIX
33. Những năm 30 của thế kỷ XIX
34. Những năm 40 của thế kỷ XIX
35. Những năm 50 của thế kỷ XIX
36. Triết học Mác – Lênin do ai sáng lập và phát triển?
37. C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin
38. C.Mác và Ph.Ăngghen
39. V.I.Lênin
40. Ph.Ăngghen
41. Điều kiện cho sự ra đời của triết học Mác – Lênin?
42. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được củng cố và phát triển
43. Giai cấp vô sản ra đời và trở thành lực lượng chính trị - xã hội độc lập
44. Khoa học tự nhiên phát triển có 3 thành tựu mở thời đại
45. Các phương án trên đều đúng
46. Khẳng định nào sau đây là sai?
47. Triết học Mác là sự lắp ghép phép biện chứng của Hêghen và chủ nghĩa duy vật của Phoiơbắc
48. Triết học Mác có sự thống nhất giữa phương pháp biện chứng và thế giới quan duy vật
49. Triết học Mác kế thừa và cải tạo phép biện chứng của Hêghen trên cơ sở chủ nghĩa duy vật
50. Triết học Mác ra đời là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử tư tưởng của nhân loại
51. Ba phát minh lớn nhất của khoa học tự nhiên làm cơ sở khoa học tự nhiên cho sự ra đời tư duy biện chứng duy vật đầu thế kỷ XIX là những phát minh nào?
52. Thuyết mặt trời làm trung tâm vũ trụ của Côpecních, 2) định luật bảo toàn khối lượng của Lômônôxốp, 3) Học thuyết tế bào
53. Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, 2) Học thuyết tế bào, 3) Học thuyết tiến hóa của Darwin
54. Phát hiện ra nguyên tử, 2) Phát hiện ra điện tử, 3) Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng
55. Phát hiện ra nguyên tử, 2) Phát hiện ra điện tử 3) Học thuyết tế bào
56. Phát minh nào trong khoa học tự nhiên nửa đầu thế kỷ XIX vạch ra nguồn gốc tự nhiên của con người, chống lại quan điểm tôn giáo?
57. Học thuyết tế bào
58. Học thuyết tiến hóa
59. Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng
60. Thuyết duy nghiệm
61. Phát minh nào trong khoa học tự nhiên nửa đầu thế kỷ XIX vạch ra sự thống nhất giữa thế giới động vật và thực vật?
62. Học thuyết tế bào
63. Học thuyết tiến hóa
64. Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng
65. Thuyết duy lý
66. Tác phẩm nào của C.Mác và Ph.Ăngghen đánh dấu sự hoàn thành về cơ bản triết học Mác nói riêng và chủ nghĩa Mác nói chung?
    1. Hệ tư tưởng Đức
    2. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản 1848
    3. Luận cương về Phoiơbắc
    4. Gia đình thần thánh
67. Thực chất bước chuyển cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện là nội dung nào sau đây?
68. Thống nhất giữa thế giới quan duy vật và phép biện chứng trong một hệ thống triết học
69. Thống nhất giữa triết học của Hêghen và triết học của Phoiơbắc
70. Phê phán triết học duy tâm của Hêghen
71. Khái quát các thành tựu triết học trước đó
72. V.I.Lênin bổ sung và phát triển triết học Mác trong hoàn cảnh nào?
73. Chủ nghĩa tư bản thế giới chưa ra đời
74. Chủ nghĩa tư bản độc quyền ra đời
75. Chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn tự do cạnh tranh
76. Chủ nghĩa tư bản lụi tàn
77. Chủ nghĩa duy tâm tìm nguồn gốc của sự thống nhất của thế giới ở cái gì?
78. Ở tính vật chất của thế giới
79. Ở ý niệm tuyệt đối hay ở ý thức của con người
80. Ở sự vận động và chuyển hóa lẫn nhau của thế giới
81. Ở tồn tại
82. Nhà triết học nào cho nước là thực thể đầu tiên của thế giới và quan điểm đó thuộc lập trường triết học nào?
83. Talét – Chủ nghĩa duy vật tự phát
84. Điđrô – Chủ nghĩa duy vật biện chứng
85. Béccơli – Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
86. Platôn – Chủ nghĩa duy tâm khách quan
87. Nhà triết học nào coi lửa là thực thể đầu tiên của thế giới và đó là lập trường triết học nào?
88. Đêmôcrit – Chủ nghĩa duy vật tự phát
89. Hêraclít – Chủ nghĩa duy vật tự phát
90. Platôn – Chủ nghĩa duy tâm khách quan
91. Anaximen – Chủ nghĩa duy vật tự phát
92. Nhà triết học nào cho nguyên tử và khoảng không là thực thể đầu tiên của thế giới và đó là lập trường triết học nào?
93. Đêmôcrit – Chủ nghĩa duy vật tự phát
94. Hêraclít – Chủ nghĩa duy vật tự phát
95. Platôn – Chủ nghĩa duy tâm khách quan
96. Arixtốt – Chủ nghĩa duy vật tự phát
97. Đồng nhất vật chất nói chung với nguyên tử - một phần tử vật chất nhỏ nhất, đó là quan điểm của trường phái triết học nào?
98. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII – XVIII
99. Chủ nghĩa duy vật tự phát
100. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
101. Chủ nghĩa duy tâm
102. Đặc điểm chung của quan niệm duy vật về vật chất ở thời kỳ cổ đại là gì?
103. Đồng nhất vật chất nói chung với nguyên tử
104. Đồng nhất vật chất nói chung với một dạng cụ thể hữu hình, cảm tính của vật chất
105. Đồng nhất vật chất với khối lượng
106. Đồng nhất vật chất với ý thức
107. Hạn chế chung của quan niệm duy vật về vật chất ở thời kỳ cổ đại
108. Có tính chất duy tâm chủ quan
109. Có tính chất duy vật tự phát, là những phỏng đoán dựa trên những tài liệu cảm tính là chủ yếu, chưa có cơ sở khoa học
110. Có tính chất duy vật máy móc siêu hình
111. Có tính chất duy vật máy móc
112. Định nghĩa về vật chất của V.I.Lênin được nêu trong tác phẩm nào?
113. Biện chứng của tự nhiên
114. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán
115. Bút ký triết học
116. Nhà nước và cách mạng
117. Định nghĩa vật chất của V.I.Lênin bao quát đặc tính quan trọng nhất của mọi dạng vật chất để phân biệt với ý thức, đó là đặc tính gì?
118. Thực tại khách quan độc lập với ý thức của con người
119. Vận động và biến đổi
120. Có khối lượng và quảng tính
121. Tồn tại
122. Trường phái triết học nào cho rằng vận động bao gồm mọi sự biến đổi nói chung, là phương thức tồn tại của vật chất?
123. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
124. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
125. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
126. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
127. Hãy tìm cụm từ thích hợp dưới đây để hoàn thiện luận điểm nổi tiếng sau đây của Mác: “Ý thức chẳng qua chỉ là ………được chuyển vào trong đầu óc của con người và được cải biên ở đó”.

a. Hình ảnh bên ngoài con người

b. Vật chất

c. Các quá trình vật chất đang vận động

d. Hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan

1. Từ nguyên lý về mối quan hệ giữa Vật chất và Ý thức nói rằng: “Vật chất sinh ra và quyết định ý thức” chúng ta rút ra bài học là:

a. Phải coi những giá trị vật chất là cao nhất

b. Các điều kiện vật chất quyết định đời sống tinh thần

c. Coi những giá trị vật chất và giá trị tinh thần như nhau

d. Coi giá trị tinh thần quý hơn giá trị vật chất

1. Người Việt Nam có câu “Có thực mới vực được đạo” câu nói này thể hiện quan điểm:

a. Giá trị vật chất là quan trọng nhất

b. Trong đời sống chỉ có lương thực mới quan trọng

c. Các điều kiện sinh hoạt vật chất quyết định đời sống tinh thần

d. Trong một nền kinh tế quốc dân, quan trọng nhất là nông nghiệp

1. Nguồn gốc xã hội của ý thức là?

a. Các quy luật trong thế giới vật chất

b. Lao động và ngôn ngữ

c. Trí tuệ của những nhân vật lỗi lạc

d. Các tín điều tôn giáo

1. Khi nói vật chất là cái được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh lại, về mặt nhận thức luận, Lênin muốn khẳng định điều gì?
2. Cảm giác, ý thức của chúng ta có khả năng phản ánh đúng thế giới khách quan
3. Cảm giác, ý thức của chúng ta không thể phản ánh đúng thế giới vật chất
4. Cảm giác, ý thức phụ thuộc thụ động vào thế giới vật chất
5. Cảm giác, ý thức là nguồn gốc của thế giới vật chất
6. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, vật chất với tư cách là phạm trù triết học có đặc tính gì?
7. Có thực, vô hạn, vô tận, vĩnh viễn tồn tại, độc lập với ý thức
8. Có giới hạn, có sinh ra và có mất đi
9. Tồn tại cảm tính
10. Vĩnh viễn tồn tại
11. Phản ánh là thuộc tính có ở:

a. Một dạng đặc biệt của vật chất

b. Các thực thể sống

c. Tất cả các dạng vật chất

d. Vật chất xã hội

1. Khoanh tròn vào câu mà anh (chị) cho là đúng nhất.
2. Ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu vật chất mang nội dung ý thức
3. Ngôn ngữ là thuộc tính của của cá nhân
4. Ngôn ngữ là hiện tượng tinh thần
5. Ngôn ngữ có tính vật chất
6. Chọn câu mà anh (chị) cho là đúng. Mặt thứ nhất của vấn đề cơ bản của triết học là:
7. Giữa vật chất và ý thức thì cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào?
8. Con người có khả năng nhận thức được thế giới hay không
9. Vấn đề quan hệ giữa vật chất và ý thức
10. Vấn đề giữa tư duy và tồn tại
11. Quan điểm: “Vật chất và ý thức là hai nguyên thể đầu tiên cùng song song tồn tại” là quan điểm của trường phái triết học nào?
12. Duy vật biện chứng
13. Duy tâm khách quan
14. Duy vật siêu hình
15. Nhị nguyên luận
16. Theo quan niệm triết học duy vật biện chứng, không gian là gì?
17. Mô thức của trực quan cảm tính
18. Khái niệm của tư duy lý tính
19. Hình thức tồn tại của vật chất
20. Một dạng vật chất cụ thể
21. Hãy chọn câu đúng. Theo quan điểm của triết học Mác, ý thức là:
22. Là hình ảnh của thế giới khách quan
23. Là hình ảnh phản ánh sự vận động và phát triển của thế giới khách quan.
24. Là một phần chức năng của bộ óc con người.
25. Là sự phản ánh năng động và sáng tạo hiện thực khách quan
26. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng thiếu sự tác động của thế giới khách quan vào não người, có hình thành và phát triển được ý thức không?
27. Không
28. Vừa có thể, vừa không thể
29. Có thể hình thành được
30. Các phương án trên đều sai
31. Sự khác nhau cơ bản giữa phản ánh ý thức và các hình thức phản ánh khác nhau của thế giới vật chất là ở chỗ nào?
32. Tính đúng đắn trung thực với vật phản ánh
33. Tính sáng tạo, năng động
34. Tính quy định bởi vật phản ánh
35. Các phương án trên đều đúng
36. Ph.Ăngghen viết: "[.........] là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người, và như thế đến một mức mà trên một ý nghĩa nào đó, chúng ta phải nói: [..........] đã sáng tạo ra bản thân con người". Hãy điền một từ vào chỗ trống để hoàn thiện câu trên.
37. Lao động
38. Vật chất
39. Tự nhiên
40. Sản xuất
41. Hãy hoàn thiện luận điểm sau đây bằng thuật ngữ thích hợp: “Liên hệ là phạm trù dùng để chỉ sự quy định, sự………….., sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật hiện tượng”.

a. Liên kết

b. Làm tiền đề cho nhau

c. Tác động qua lại

d. Đấu tranh lẫn nhau

1. Tính khách quan của mối liên hệ thể hiện ở chỗ?

a. Liên hệ là cái vốn có của mọi sự vật hiện tượng

b. Các mối liên hệ tồn tại không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người

c. Các câu trên đều đúng

d. Các câu trên đều sai

1. Bất kỳ sự vật hiện tượng nào ở bất kỳ không gian thời gian đều có mối liên hệ với các sự vật, hiện tượng khác. Đó là biểu hiện của:

a. Tính phong phú vô cùng tận của thế giới vật chất

b. Liên hệ phổ biến

c. Tính khách quan của thế giới vật chất

d. Không có ý kiến nào kể trên là đúng

1. Ở các không gian thời gian khác nhau, các mối liên hệ cũng có những biểu hiện khác nhau. Đó là biểu hiện:

a. Tính khách quan của mối liên hệ

b. Tính tất yếu của mối liên hệ

c. Tính phong phú, đa dạng của mối liên hệ

d. Không có quan niệm nào kể trên là đúng

1. Nguyên lý về liên hệ phổ biến là cơ sở lý luận cho quan điểm nghiên cứu, đó là:

a. Quan điểm khách quan

b. Quan điểm khách quan kết hợp với chủ quan

c. Quan điểm lịch sử

d. Quan điểm toàn diện

1. Xem xét sự vật theo quan điểm toàn diện yêu cầu chúng ta phải như thế nào ?
2. Không cần xem xét mối liên hệ
3. Chỉ xem xét một mối liên hệ
4. Phải xem xét tất cả các mối liên hệ của sự vật
5. Phải xem xét tất cả các mối liên hệ đồng thời phân loại được vị trí, vai trò của các mối liên hệ
6. Lựa chọn câu đúng nhất theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng.
7. Mối liên hệ chỉ diễn ra giữa các sự vật hiện tượng với nhau còn trong bản thân sự vật hiện tượng không có sự liên hệ
8. Mối liên hệ của sự vật hiện tượng chỉ do ý chí con người tạo ra còn bản thân sự vật hiện tượng không có sự liên hệ
9. Mối liên hệ của sự vật hiện tượng không chỉ diễn ra giữa các sự vật hiện tượng mà còn diễn ra ngay bên trong sự vật hiện tượng
10. Tất cả các câu đều đúng
11. Lênin viết: “Muốn là người duy vật phải thừa nhận…nghĩa là không lệ thuộc vào con người và loài người”. Hãy điền từ để hoàn thiện câu trên?
12. Hiện thực khách quan
13. Thế giới vật chất
14. Cảm giác
15. Chân lý tuyệt đối
16. Phát triển là:

a. Sự vận động đi từ thấp lên cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện

b. Sự biến đổi về chất trong một bộ phận nào đó của sự vật hiện tượng

c. Vận động theo một đường thẳng đi lên liên tục

d. Không có ý kiến nào kể trên là đúng

1. Chủ nghĩa Mác- Lênin cho rằng: “Phát triển là …..của sự vận động của sự vật, hiện tượng”. Hãy hoàn thiện quan điểm trên.
2. Khuynh hướng chung
3. Xu thế chung
4. Con đường
5. Tất cả đều sai
6. Nguồn gốc của sự phát triển là:

a. Nhu cầu ngày càng tăng lên của con người và xã hội

b. Mâu thuẫn bên trong của sự vật hiện tượng

c. Có nhiều sự vật hiện tượng khác tác động vào sự vật hiện tượng nào đó

d. Các phương án trên đều đúng

1. Tính phổ biến của phát triển phải được hiểu theo ý nghĩa?

a. Toàn bộ thế giới vật chất luôn luôn phát triển

b. Tất cả các sự vật hiện tượng có cấu trúc nguyên tử đều phát triển

c. Có trong cả tự nhiên, xã hội và tư duy

d. Các phương án trên đều sai

1. Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vận động?
2. Vận động là sự tự thân vận động của vật chất, vận động không được sáng tạo ra và cũng không bị mất đi
3. Vận động là hút và đẩy của các vật thể
4. Vận động được sáng tạo ra và bị mất đi
5. Vận động là vận động thuần túy phi vật chất
6. Triết học Mác – Lênin cho rằng: Thực tiễn là toàn bộ … có mục đích, mang tính lịch sử, xã hội của con người nhằm cải tạo thế giới khách quan. Chọn từ đúng nhất để hoàn thiện quan điểm trên :
7. Hoạt động tinh thần
8. Hoạt động vật chất cảm tính
9. Hoạt động vật chất và tinh thần
10. Các phương án trên đều sai
11. Thực nghiệm khoa học là:

a. Hoạt động lý luận có vai trò quyết định tới sản xuất vật chất

b. Một lĩnh vực của thực tiễn

c. Một lĩnh vực của hoạt động tinh thần

d. Các phương án trên đều sai

1. Hãy lựa chọn phương án đúng nhất. Theo quan điểm Mác – Lênin nhận thức là một quá trình?

a. Phản ánh liên tục của đầu óc con người về thế giới khách quan

b. Phân tích và tổng hợp các thông tin từ thế giới bên ngoài

c. Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn

d. Biện chứng của sự vận động của tư duy thông qua các quy luật của chính nó

1. Hãy chọn phương án đúng. Cảm giác là:

a. Cảm nhận của con người về thế giới xung quanh

b. Trực giác từ tổng hợp các tác động bên ngoài

c. Sự phản ánh những thuộc tính bên ngoài và đơn lẻ của sự vật

d. Các phương án trên đều đúng

1. Hãy chọn phương án đúng. Tri giác là:

a. Hình ảnh bên ngoài, toàn vẹn về sự vật

b. Sự tổng hợp của nhiều tri thức

c. Là nhận thức đạt tới việc nắm bắt bản chất sự vật

d. Các phương án trên đều đúng

1. Hãy chọn phương án đúng. Biểu tượng là:

a. Hình ảnh lý tính về sự vật

b. Số cộng đơn giản của Cảm giác và Tri giác

c. Hình thức phản ánh cao nhất và phức tạp nhất của nhận thức cảm tính

d. Các phương án trên đều đúng

1. Hãy chọn phương án đúng. Khái niệm là:

a. Sản phẩm thuần túy của tư duy con người

b. Kết quả nhận thức của thế hệ trước được truyền lại cho thế hệ sau qua hệ thống gen di truyền

c. Hình thức của tư duy phản ánh bản chất của sự vật

d. Các phương án trên đều sai

1. Hãy chọn phương án đúng. Suy lý (hay suy luận) là:

a. Sự liên kết nhiều khái niệm trong một phán đoán

b. Sự liên kết hai hay nhiều phán đoán để rút ra tri thức mới

c. Sự tổng hợp từ nhiều khái niệm

d. Các phương án trên đều sai

1. Hình thức nào của tư duy trừu tượng là hình thức liên kết các khái niệm?
2. Khái niệm
3. Phán đoán
4. Suy lý
5. Trừu tượng
6. Hình ảnh của sự vật được tái hiện ở trong đầu óc khi không còn tiếp xúc trực tiếp sự vật được gọi là gì?
7. Khái niệm
8. Phán đoán
9. Biểu tượng
10. Suy lý
11. Hình thức nào dưới đây không nằm trong giai đoạn nhận thức lý tính?
12. Tri giác
13. Phán đoán
14. Suy lý
15. Khái niệm
16. Triết học ra đời sớm nhất ở đâu?

a. Ấn độ, Châu phi, Nga

b. Ấn độ, Trung quốc, Hy lạp

c. Ai cập, Ấn độ, Trung quốc

d. Châu phi, Châu âu, Châu á

1. Ph.Ăngghen viết về vai trò động lực của thực tiễn đối với nhận thức như sau: "Khi xã hội có nhu cầu về kỹ thuật thì nó thúc đẩy khoa học phát triển hơn mười [..........]". Hãy điền vào chỗ trống để hoàn thiện câu trên.
2. Nhà phát minh
3. Viện nghiên cứu
4. Tiến sĩ khoa học
5. Trường đại học
6. Mác viết: “..… là thân thể vô cơ của con người và xã hội loài người”. Hãy điền vào dấu …để hoàn thiện quan điểm trên?
7. Xã hội
8. Trái đất
9. Giới tự nhiên
10. Môi trường
11. Chọn câu trả lời đúng. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất trên các mặt:
12. Hình thức quan hệ sản xuất
13. Sự biến đổi của quan hệ sản xuất
14. Trình độ quan hệ sản xuất
15. Các phương án trên đều đúng
16. Đường lối, quan điểm của Đảng là một bộ phận của:
17. Cơ sở hạ tầng
18. Lực lượng sản xuất
19. Kiến trúc thượng tầng
20. Quan hệ sản xuất
21. Môi trường sống của con người được hiểu với nghĩa là:
22. Môi trường địa lý
23. Môi trường sinh quyển
24. Môi trường tự nhiên - xã hội
25. Môi trường xã hội
26. Ph. Ăngghen viết: Mác đã phát hiện ra quy luật phát triển của ..…, nghĩa là tìm ra cái sự thật đơn giản là: trước hết con người cần phải ăn, uống, ở và mặc, trước khi có thể lo đến chuyện làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo”. Hãy điền từ thích hợp vào dấu …để hoàn thiện câu trên?
27. Thế giới
28. Xã hội loài người
29. Tự nhiên
30. Vật chất
31. Khi nói về con người, chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng: “Con người là một … sinh học – xã hội” hãy điền vào chỗ trống để hoàn thiện câu trên:
32. Cá thể
33. Thực thể
34. Tập hợp hai mặt
35. Sinh vật
36. Con người phát triển và hoàn thiện mình chủ yếu dựa vào yếu tố nào?
37. Phát triển kinh tế - xã hội
38. Đấu tranh giai cấp
39. Lao động sản xuất
40. Đấu tranh với tự nhiên
41. Ý thức xã hội bao gồm những cấp độ nào?
42. Tâm lý xã hội và hệ tư tưởng
43. Tình cảm xã hội và ý thức xã hội
44. Nhận thức xã hội
45. Phản ánh xã hội
46. Theo cách phân chia các hình thức vận động của Ph.Ăngghen, hình thức vận động nào là thấp nhất?
47. Hình thức vận động cơ học
48. Hình thức vận động vật lý
49. Hình thức vận động hoá học
50. Hình thức vận động xã hội
51. Trường phái triết học nào cho vận động là tuyệt đối, đứng im là tương đối?
52. Chủ nghĩa duy vật tự phát
53. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
54. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
55. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII – XVIII
56. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm về nguồn gốc của ý thức?
57. Là sự phản ánh của hiện thực khách quan
58. Là thuộc tính của bộ não người, do não người tiết ra
59. Phủ nhận nguồn gốc vật chất của ý thức
60. Ý thức tồn tại tự nó, vĩnh viễn, vô hạn
61. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng nguồn gốc tự nhiên của ý thức gồm những yếu tố nào?
62. Bộ óc con người
63. Thế giới khách quan bên ngoài tác động vào bộ óc con người
64. Các câu trên đều đúng
65. Các câu trên đều sai
66. Nguồn gốc xã hội của ý thức là yếu tố nào?
67. Bộ óc con người
68. Sự tác động của thế giới bên ngoài vào bộ óc con người
69. Lao động và ngôn ngữ của con người
70. Lao động và phản ánh
71. Theo C.Mác, yếu tố đầu tiên đảm bảo cho sự tồn tại của con người là gì?
72. Làm khoa học
73. Sáng tạo nghệ thuật
74. Lao động sản xuất của cải vật chất
75. Làm chính trị
76. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, quá trình hình thành ý thức là quá trình nào?
77. Tiếp thu sự tác động của thế giới bên ngoài
78. Sáng tạo thuần tuý trong tư duy con người
79. Hoạt động kinh tế
80. Hoạt động thực tiễn cải tạo thế giới và phản ánh sáng tạo thế giới khách quan
81. Để phản ánh hiện thực khách quan và trao đổi tư tưởng con người cần có cái gì?
82. Công cụ lao động
83. Cơ quan cảm giác
84. Ngôn ngữ
85. Tư liệu sản xuất
86. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nguồn gốc trực tiếp và quan trọng nhất quyết định sự ra đời và phát triển của ý thức là gì?
87. Sự tác động của tự nhiên vào bộ óc con người
88. Lao động, thực tiễn xã hội
89. Bộ não người và hoạt động của nó
90. Hoạt động quan sát thế giới của con người
91. Điều khẳng định nào sau đây là sai?
92. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng sự phát triển động vật bậc cao là một sự tiến hóa trong sinh giới.
93. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng động vật bậc cao cũng có ý thức như con người
94. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng con người là động vật có ý thức
95. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng ý thức là sự phản ánh thế giới khách quan vào đầu óc con người
96. Quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về tính sáng tạo của ý thức là thế nào?
97. Ý thức tạo ra vật chất
98. Ý thức tạo ra sự vật trong hiện thực
99. Ý thức không sinh, không diệt
100. Ý thức tạo ra hình ảnh mới về sự vật trong tư duy
101. Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, trong kết cấu của ý thức yếu tố nào là cơ bản và cốt lõi nhất?
102. Tri thức
103. Tình cảm
104. Niềm tin
105. Ý chí
106. Kết cấu theo chiều dọc của ý thức gồm những yếu tố nào?
107. Tự ý thức; tiềm thức; vô thức
108. Tri thức; tình cảm; niềm tin, ý chí
109. Cảm giác; khái niệm; phán đoán
110. Ý thức; tự ý thức
111. Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức?
112. Ý thức do vật chất quyết định, thỉnh thoảng tồn tại đồng thời
113. Ý thức tác động đến vật chất
114. Ý thức quyết định vật chất và vật chất tác động lại ý thức
115. Ý thức do vật chất quyết định, nhưng ý thức có tính độc lập tương đối và tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn
116. Phép biện chứng duy vật có mấy nguyên lý cơ bản?
117. Một nguyên lý cơ bản
118. Hai nguyên lý cơ bản
119. Ba nguyên lý cơ bản
120. Bốn nguyên lý cơ bản
121. Nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật là nguyên lý nào?
     1. Nguyên lý về sự tồn tại khách quan của vật chất
     2. Nguyên lý về sự vận động và đứng im của các sự vật
     3. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và về sự phát triển
     4. Nguyên lý về tính liên tục và tính gián đoạn của thế giới vật chất
122. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, mối liên hệ giữa các sự vật có tính chất gì?
123. Tính ngẫu nhiên, chủ quan
124. Tính khách quan, tính phổ biến, tính đa dạng
125. Tính khách quan, tính đặc thù, tính đa dạng
126. Tính khách quan, đa dạng
127. Quan điểm nào cho rằng thế giới vô cơ, thế giới sinh vật và xã hội loài người là 3 lĩnh vực hoàn toàn khác biệt nhau, không quan hệ gì với nhau?
128. Quan điểm duy vật siêu hình
129. Quan điểm duy vật biện chứng
130. Quan điểm duy tâm khách quan
131. Quan điểm duy tâm chủ quan
132. Cơ sở lý luận của quan điểm toàn diện là nguyên lý nào?
133. Nguyên lý về sự phát triển
134. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến
135. Nguyên lý về sự tồn tại khách quan của thế giới vật chất
136. Nguyên lý về tính đa dạng, phong phú của thế giới vật chất
137. Trong các quan điểm sau đây, đâu là quan điểm siêu hình về sự phát triển?
138. Chất của sự vật không thay đổi gì trong quá trình tồn tại và phát triển của sự vật
139. Phát triển là sự chuyển hoá từ những thay đổi về lượng thành sự thay đổi về chất
140. Phát triển bao hàm sự nảy sinh chất mới và sự phá vỡ chất cũ
141. Chất của sự vật đóng băng
142. Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: “Phát triển chỉ là những bước nhảy về chất, không có sự thay đổi về lượng”.
143. Triết học duy vật biện chứng
144. Triết học duy vật siêu hình
145. Triết học biện chứng duy tâm
146. Triết học hiện sinh
147. Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: “Phát triển là quá trình vận động tiến lên theo con đường xoáy ốc”
148. Quan điểm siêu hình
149. Quan điểm chiết trung và ngụy biện
150. Quan điểm biện chứng
151. Quan điểm duy tâm
152. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?
153. Phát triển là xu hướng chung của sự vận động của thế giới vật chất
154. Phát triển là xu hướng chung nhưng không bản chất của sự vận động của sự vật
155. Phát triển là xu hướng cá biệt của sự vận động của các sự vật
156. Phát triển là điều hiển nhiên
157. Trong xã hội sự phát triển biểu hiện ra như thế nào?
158. Sự xuất hiện các hợp chất mới
159. Sự xuất hiện các giống loài động vật, thực vật mới thích ứng tốt hơn với môi trường
160. Sự thay thế chế độ xã hội này bằng một chế độ xã hội khác cao hơn, tiến bộ hơn
161. Sự thay thế cấu trúc xã hội
162. Theo nghĩa đen câu ca dao sau:

*Một cây làm chẳng lên non*

*Ba cây chụm lại nên hòn núi cao*

Thể hiện nội dung quy luật nào

1. Quy luật mâu thuẫn
2. Quy luật phủ định của phủ định
3. Quy luật tự nhiên
4. Quy luật lượng chất
5. Cấu trúc của một hình thái kinh tế- xã hội gồm các yếu tố nào hợp thành?
6. Lực lượng sản xuất, các quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng
7. Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
8. Quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng
9. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
10. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, những tính chất nào sau đây là tính chất của sự phát triển?
11. Tính khách quan
12. Tính phổ biến
13. Tính chất đa dạng, phong phú trong nội dung và hình thức phát triển
14. Các phương án trên đều đúng
15. Theo Lênin : “Người ta gọi là …, những tập đoàn người to lớn gồm những người khác nhau về địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định trong lịch sử, khác nhau về quan hệ của họ (thường thì những quan hệ này được pháp luật quy định và thừa nhận) đối với những tư liệu sản xuất, về vai trò của họ trong tổ chức lao động sản xuất và như vậy là khác nhau về cách thức hưởng thụ về phần của cải xã hội ít hoặc nhiều mà họ được hưởng”. Những tập đoàn mà Lênin nói ở đây là gì?
16. Giai cấp
17. Tầng lớp
18. Tư sản
19. Tri thức
20. Trong các đặc trưng của định nghĩa giai cấp của Lênin, đặc trưng nào là quyết định nhất?
21. Có địa vị khác nhau trong một hệ thống sản xuất nhất định trong lịch sử
22. Có mối quan hệ khác nhau đối với tư liệu sản xuất
23. Có vai trò khác nhau trong tổ chức lao động xã hội
24. Có sự khác nhau về phương thức và quy mô hưởng thụ của cải xã hội
25. Theo Lênin: “ …, là cuộc đấu tranh của bộ phận nhân dân này chống lai bộ phận nhân dân khác, cuộc đấu tranh của quần chúng bị tước hết quyền, bị áp bức và lao động chống bọn có đặc quyền, đặc lợi, bọn áp bức và ăn bám, cuộc đấu tranh của những ngưòi công nhân làm thuê hay những người vô sản chống những người hữu sản hay giai cấp tư sản”. Ở đây Lênin nói đến cuộc đấu tranh gì?
26. Đấu tranh giai cấp
27. Đấu tranh kinh tế
28. Đấu tranh dân tộc
29. Đấu tranh chính trị
30. Hình thức đấu tranh đầu tiên của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản là hình thức nào?
31. Đấu tranh tư tưởng
32. Đấu tranh chính trị
33. Đấu tranh kinh tế
34. Đấu tranh vũ trang
35. Trong nhận thức cần quán triệt quan điểm phát triển. Điều đó dựa trên cơ sở lý luận của nguyên lý nào?
36. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến
37. Nguyên lý về sự phát triển
38. Nguyên lý về tính thống nhất vật chất của thế giới
39. Nguyên lý mâu thuẫn
40. Các phạm trù: vật chất, ý thức, vận động, mâu thuẫn, bản chất, hiện tượng là những phạm trù của khoa học nào?
41. Triết học
42. Sinh học
43. Hoá học
44. Vật lý
45. Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng
46. Cái chung tồn tại khách quan, bên ngoài cái riêng
47. Cái riêng tồn tại khách quan không bao chứa cái chung
48. Cái chung và cái riêng đều không tồn tại đồng thời
49. Không có cái chung thuần tuý tồn tại ngoài cái riêng, cái chung tồn tại trong cái riêng và thông qua cái riêng mà biểu hiện sự tồn tại của mình
50. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm sau đây đúng hay sai: “Muốn nhận thức được cái chung phải xuất phát từ cái riêng”
51. Đúng
52. Sai
53. Không xác định
54. Vừa đúng, vừa sai
55. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng
56. Có thể coi nguyên nhân và kết quả nằm ở hai sự vật khác nhau
57. Không thể coi nguyên nhân và kết quả nằm ở hai sự vật khác nhau, tách rời nhau
58. Nguyên nhân và kết quả không cùng một kết cấu vật chất
59. Nguyên nhân và kết quả là tất nhiên
60. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai
61. Nội dung và hình thức gắn bó hửu cơ lẫn nhau, không tách rời nhau
62. Nội dung và hình thức luôn luôn phù hợp với nhau
63. Nội dung tồn tại trong một hình thức nhất định, hình thứ chứa đựng nội dung
64. Không phải lúc nào nội dung và hình thức cũng phù hợp với nhau
65. Trong các luận điểm sau, đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về quan hệ giữa nội dung và hình thức?
66. Nội dung quyết định hình thức trong sự phát triển của sự vật
67. Hình thức quyết định nội dung
68. Tồn tại hình thức thuần tuý không chứa đựng nội dung
69. Tồn tại nội dung thuần túy không gắn với một hình thức nào đó
70. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?
71. Bản chất không được biểu hiện ở hiện tượng
72. Bản chất nào hiện tượng ấy, bản chất hoàn toàn đồng nhất với hiện tượng
73. Bản chất hiện ra, hiện tượng mang tính bản chất, bản chất thay đổi hiện tượng biểu hiện nó cũng thay đổi
74. Bản chất là cái vĩnh viễn không thay đổi
75. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?
76. Trong hoạt động thực tiễn phải dựa vào khả năng
77. Trong hoạt động thực tiễn phải dựa vào hiện thực, không cần tính đến khả năng
78. Trong hoạt động thực tiễn phải dựa vào hiện thực, đồng thời phải tính đến khả năng
79. Hoạt động thực tiễn không bao hàm hoạt động sáng tạo
80. Trong quá trình vận động phát triển của sự vật ba quy luật cơ bản:

a. Lần lượt tác động theo thứ tự: Quy luật mâu thuẫn, quy luật lượng – chất, quy luật phủ định

b. Lần lượt tác động theo thứ tự: Quy luật lượng – chất, quy luật mâu thuẫn, quy luật phủ định của phủ định

c. Tác động tổng hợp, chứ không phải hết cái này đến cái khác

d. Các phương án trên đều sai

1. Quy luật Lượng – Chất chỉ ra?

a. Cách thức của sự vận động, phát triển

b. Xu hướng của sự vận động phát triển

c. Nguyên nhân của sự vận động phát triển

d. Động lực của sự vận động phát triển

1. Trong hoạt động thực tiễn, sai lầm của sự chủ quan nóng vội là do không tôn trọng quy luật nào?
2. Quy luật mâu thuẫn
3. Quy luật lượng-chất
4. Quy luật phủ định của phủ định
5. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
6. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?
7. Chất là tính quy định vốn có của sự vật
8. Chất là tổng của sự vật nói lên sự vật là cái gì
9. Chất đồng nhất với thuộc tính hợp hữu cơ các yếu tố, thuộc tính
10. Chất là cái để phân biệt nó với cái khác
11. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?
12. Chất tồn tại khách quan bên ngoài sự vật
13. Chất tồn tại khách quan gắn liền với sự vật
14. Không có chất thuần tuý bên ngoài sự vật
15. Chất là cái vốn có của sự vật
16. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?
17. Độ là phạm trù chỉ sự biến đổi của lượng
18. Độ là phạm trù chỉ sự biến đổi của chất
19. Độ là phạm trù triết học chỉ giới hạn biến đổi của lượng, trong đó chưa làm thay đổi chất của sự vật
20. Độ ít biến đổi
21. Giới hạn từ 00C đến 1000C được gọi là gì trong quy luật lượng – chất?
22. Độ
23. Chất
24. Lượng
25. Bước nhảy
26. Trong một mối quan hệ nhất định, cái gì xác định sự vật?
27. Tính quy định về lượng
28. Tính quy định về chất
29. Thuộc tính của sự vật
30. Tính ngẫu nhiên
31. Tính quy định nói lên sự vật đó là gì và phân biệt nó với sự vật khác, gọi là gì?
32. Chất
33. Lượng
34. Độ
35. Bước nhảy
36. Tính quy định nói lên quy mô trình độ phát triển của sự vật được gọi là gì?
37. Chất
38. Lượng
39. Độ
40. Điểm nút
41. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?
42. Trong giới hạn của độ sự thay đổi của lượng chưa làm cho chất của sự vật biến đổi
43. Trong giới hạn của độ sự thay đổi của lượng đều đưa đến sự thay đổi về chất của sự vật
44. Chỉ khi lượng biến đổi đến hết hạn của độ mới làm cho chất của sự vật thay đổi
45. Khi bước nhảy được thực hiện thì sự vật chuyển hóa
46. Thời điểm mà tại đó sự thay đổi về lượng sẽ làm thay đổi về chất của sự vật được gọi là gì?
47. Bước nhảy
48. Bước nhảy toàn bộ
49. Điểm nút
50. Bước nhảy dần dần
51. Phạm trù triết học nào dùng để chỉ sự chuyển hóa về chất của sự vật do những thay đổi về lượng trước đó gây ra?
52. Độ
53. Điểm nút
54. Chất
55. Bước nhảy
56. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?
57. Sự biến đổi về chất là kết quả sự tích lũy dần dần về lượng của sự vật
58. Không phải sự biến đổi về chất nào cũng là kết quả của sự biến đổi về lượng
59. Chất không có tác động gì đến sự thay đổi của lượng
60. Chất biến đổi trước khi có sự biến đổi của lượng
61. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?
62. Phát triển của sự vật chỉ bao hàm sự thay đổi về lượng
63. Phát triển của sự vật chỉ bao hàm sự thay đổi về chất
64. Quá trình phát triển của sự vật là quá trình chuyển hóa từ sự thay đổi dần về lượng sang sự thay đổi về chất của sự vật và ngược lại
65. Chất và lượng cùng biến đổi đồng thời
66. Trong hoạt động thực tiễn sai lầm của sự trì trệ bảo thủ là do không tôn trọng quy luật nào của phép biện chứng duy vật?
67. Quy luật lượng – chất
68. Quy luật phủ định của phủ định
69. Quy luật mâu thuẫn
70. Quy luật tự nhiên
71. Trong quy luật mâu thuẫn, tính quy định về chất và tính quy định về lượng trong một sự vật được gọi là gì?
72. Hai sự vật
73. Hai quá trình
74. Hai thuộc tính
75. Hai mặt đối lập
76. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?
77. Mặt đối lập là những mặt có đặc điểm trái ngược nhau
78. Mặt đối lập tồn tại khách quan trong các sự vật
79. Mặt đối lập không nhất thiết phải gắn liền với sự vật mà có thể nằm ở hai sự vật khác nhau
80. Mặt đối lập là vốn có của sự vật, hiện tượng
81. Hai mặt đối lập ràng buộc, phụ thuộc nhau, tạo tiền đề tồn tại cho nhau, triết học gọi là gì?
82. Sự đấu tranh của hai mặt đối lập
83. Sự thống nhất của hai mặt đối lập
84. Sự chuyển hóa của hai mặt đối lập
85. Sự tương đồng của các mặt đối lập
86. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng sự thống nhất của các mặt đối lập có những biểu hiện gì?
87. Sự cùng tồn tại, nương tựa nhau, làm điều kiện, tiền đề tồn tại cho nhau, đồng nhất nhau
88. Sự đồng nhất nhau
89. Gắn bó hửu cơ lẫn nhau
90. Các phương án trên đều đúng
91. Quy luật mâu thuẫn chỉ ra?

a. Nguồn gốc của vận động và phát triển

b. Phương thức của sự vận động phát triển

c. Xu hướng của vận động phát triển

d. Cấu trúc nội tại của quá trình vận động phát triển

1. Luận điểm sau đây thuộc trường phái triết học nào: “Sự thống nhất của các mặt đối lập loại trừ sự đấu tranh của các mặt đối lập”
2. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
3. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
4. Chủ nghĩa duy tâm biện chứng
5. Chủ nghĩa duy lý
6. Trong lý luận về mâu thuẫn người ta gọi quá trình đồng hóa và dị hóa trong cơ thể sống là gì?
7. Những thuộc tính
8. Hai thuộc tính
9. Hai mặt đối lập
10. Hai yếu tố
11. Ý nghĩa rút ra khi nghiên cứu quy luật mâu thuẫn. Xác định đáp án sai.
12. Mâu thuẫn là khách quan, khi nghiên cứu sự vật hiện tượng phải nghiên cứu về mâu thuẫn của nó
13. Sự vật khác nhau, mâu thuẫn khác nhau, nên phải có biện pháp phù hợp để giải quyết từng mâu thuẫn
14. Phải giải quyết mâu thuẫn bằng phương pháp đấu tranh chứ không dung hòa
15. Mâu thuẫn phụ thuộc vào cảm nhận của con người nên phải tìm cách nhận thức nó
16. Sự tác động theo xu hướng nào thì được gọi là sự đấu tranh của các mặt đối lập?
17. Ràng buộc nhau
18. Nương tựa nhau
19. Đan xen nhau
20. Phủ định, bài trừ nhau
21. Trong mâu thuẫn biện chứng, các mặt đối lập quan hệ với nhau như thế nào?
22. Chỉ thống nhất với nhau
23. Chỉ có mặt đấu tranh với nhau
24. Bình đẳng với nhau
25. Vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau
26. Trong thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập, xu hướng nào quyết định sự biến đổi thường xuyên của sự vật?
27. Thống nhất của các mặt đối lập
28. Đấu tranh của các mặt đối lập
29. Không có xu hướng nào cả

d.Sự tồn tại đồng thời của sự vật, hiện tượng

1. Mâu thuẫn quy định bản chất của sự vật, thay đổi cùng với sự thay đổi căn bản về chất của sự vật, được gọi là mâu thuẫn gì?
2. Mâu thuẫn chủ yếu
3. Mâu thuẫn bên trong
4. Mâu thuẫn cơ bản
5. Mâu thuẫn đối kháng
6. Mâu thuẫn nổi lên hàng đầu trong mỗi thời kỳ, mỗi giai đoan của quá trình phát triển của sự vật được gọi là gì?
7. Mâu thuẫn bên trong
8. Mâu thuẫn bên ngoài
9. Mâu thuẫn chủ yếu
10. Mâu thuẫn cơ bản
11. Loại mâu thuẫn nào thể hiện đặc trưng của mâu thuẫn giai cấp?
12. Mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài
13. Mâu thuẫn đối kháng và không đối kháng
14. Mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn thứ yếu
15. Mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn không cơ bản
16. Trong mâu thuẫn người ta gọi hút và đẩy trong một thanh nam châm là gì?

a. Những thuộc tính

b. Hai yếu tố

c. Hai mặt đối lập

d. Hai sự vật

1. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?
   1. Phủ định biện chứng có tính khách quan
   2. Phủ định biện chứng là kết quả giải quyết những mâu thuẫn bên trong sự vật
   3. Phủ định biện chứng là sự xóa bỏ sự vật, chấm dứt sự tồn tại của sự vật
   4. Phủ định biện chứng có tính đa dạng, phong phú, riêng biệt
2. Luận điểm sau đây thuộc trường phái triết học nào: “Cái mới ra đời trên cơ sở giữ nguyên cái cũ”
3. Quan điểm siêu hình
4. Quan điểm biện chứng duy vật
5. Quan điểm biện chứng duy tâm
6. Quan điểm duy tâm khách quan
7. Sự tự phủ định để đưa sự vật dường như quay lại điểm xuất phát ban đầu trong phép biện chứng được gọi là gì?
8. Phủ định siêu hình
9. Phủ định của phủ định
10. Chuyển hoá
11. Sự lặp lại
12. Con đường phát triển của sự vật mà quy luật phủ định của phủ định vạch ra là con đường nào?
13. Đường thẳng đi lên
14. Đường tròn khép kín
15. Đường xoáy ốc đi lên
16. Đường mòn
17. Xác định quan niệm sai về phủ định biện chứng:
18. Phủ định có tính kế thừa
19. Phủ định là chấm dứt sự phát triển
20. Phủ định đồng thời cũng là sự khẳng định
21. Phủ định có tính khách quan, phổ biến
22. Phủ định biện chứng là:

a. Sự thôi tồn tại của một sự vật

b. Tự thân phủ định

c. Sự phủ định bởi các quy luật biện chứng

d. Các phương án trên đều sai

1. Vị trí của quy luật phủ định của phủ định trong phép biện chứng duy vật?
2. Chỉ ra nguồn gốc của sự phát triển
3. Chỉ ra cách thức của sự phát triển
4. Chỉ ra khuynh hướng chung của sự phát triển
5. Các phương án trên đều đúng
6. Trường phái triết học nào cho rằng thực tiễn là cơ sở chủ yếu và trực tiếp của nhận thức?
7. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
8. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
9. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
10. Chủ nghĩa duy nghiệm
11. Chủ nghĩa Mác – Lênin là một hệ thống lý luận thống nhất được hình thành từ:
12. Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác -Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học
13. Triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học.
14. Triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị cổ điển Anh, chủ nghĩa xã hội khoa học
15. Xã hội
16. Triết học Mác - Lênin bao gồm:
17. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật siêu hình
18. Chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật
19. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử
20. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm
21. Chủ nghĩa Mác - Lênin thể hiện bản chất:
22. Cách mạng và khoa học
23. Dân tộc và hiện đại
24. Khoa học và dân tộc
25. Toàn dân
26. Trong triết học mácxít:
27. Chủ nghĩa duy vật và phép siêu hình gắn liền với nhau
28. Chủ nghĩa duy tâm và phép biện chứng gắn liền với nhau.
29. Chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng gắn bó hữu cơ với nhau
30. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm gắn liền nhau
31. Chủ nghĩa duy vật lịch sử đã vạch ra và làm sáng tỏ quy luật về mối quan hệ giữa:
32. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
33. Tư liệu sản xuất và đối tượng lao động
34. Quan hệ sản xuất và quan hệ phân phối sản phẩm
35. Các tầng lớp trong xã hội
36. Chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết có tính chất:
37. Mở, cần phải đươc bổ sung
38. Đóng, bất biến
39. Mở, giáo điều
40. Xong xuôi, tuyệt đối
41. Sau khi C.Mác từ trần năm 1883, có người đã dành 12 năm cuộc đời mình làm một việc có liên quan đến sự nghiệp của C.Mác. Công việc đó được đánh giá như đã dựng cho C.Mác một tượng đài vĩnh cửu mà trên đó, người tiến hành công việc này nghĩ rằng mình cũng đã để lại tên mình bằng những nét vàng chói lọi. Người đã tiến hành công việc đó là ai?
42. V.I.Lênin
43. Ph.Ăngghen
44. Thomas Morơ
45. Platon
46. Nguồn gốc lý luận của chủ nghĩa Mác là gì?
47. Triết học cổ điển Đức
48. Kinh tế chính trị học cổ điển Anh
49. Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp
50. Các phương án trên đều đúng
51. Theo quan điểm của Chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?
52. Chân lý có tính khách quan
53. Chân lý có tính cụ thể
54. Chân lý có tính trừu tượng
55. Chân lý vừa tương đối vừa tuyệt đối
56. Triết học học Mác - Lênin:
57. Nghiên cứu những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy
58. Nghiên cứu quan hệ giữa người với người hình thành trong quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng của cải vật chất
59. Nghiên cứu những quy luật chính trị – xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của xã hội cộng sản chủ nghĩa
60. Nghiên cứu quy luật của tư duy
61. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, con người bắt nguồn từ:
62. Thần Dớt
63. Vượn người
64. Đấng tối cao
65. Thượng đế
66. Cơ sở hạ tầng của xã hội là:
67. Đường xá, cầu cống, sân bay, bến cảng
68. Toàn bộ các quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của một hình thái kinh tế xã hội nhất định
69. Toàn bộ cơ sở vật chất-kỹ thuật của xã hội
70. Đời sống vật chất
71. Hãy hoàn chỉnh luận điểm của Ăngghen: “Điểm khác biệt căn bản giữa xã hội loài người với xã hội loài vật là ở chỗ: Loài vật may mắn lắm chỉ hái lượm, trong khi con người lại……..”

a. Suy nghĩ

b. Sáng tạo

c. Hưởng thụ những giá trị tinh thần

d. Sản xuất

1. Sản xuất ra của cải vật chất là:
2. Hoạt động đặc trưng của con người và xã hội loài người
3. Hoạt động của loài vật
4. Hoạt động của con người và của loài vật
5. Hoạt động kinh tế
6. Quá trình sản xuất của xã hội là:
7. Sản xuất vật chất
8. Sản xuất tinh thần
9. Sản xuất ra bản thân con người
10. Các phương án trên đều đúng
11. Trong xã hội có ba quá trình sản xuất chủ yếu, quá trình nào là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội?
12. Sản xuất của cải vật chất
13. Sản xuất tinh thần
14. Sản xuất ra bản thân con người
15. Sản xuất công cụ lao động
16. Hình thức hoạt động thực tiễn cơ bản nhất quyết định các hình thức hoạt động khác còn lại là hình thức nào sau đây:
17. Hoạt động sản xuất vật chất
18. Hoạt động đấu tranh cải biến xã hội
19. Hoạt động quan sát và thực nghiệm khoa học
20. Hoạt động kinh tế
21. Quy luật cơ bản của sự vận động và phát triển xã hội:
22. Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
23. Quy luật về mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thương tầng
24. Quy luật đấu tranh giai cấp
25. Quy luật sản xuất giá trị thặng dư trong chủ nghĩa tư bản
26. Kiến trúc thượng tầng của xã hội bao gồm
27. Toàn bộ các quan hệ xã hội
28. Toàn bộ ý thức xã hội
29. Toàn bộ các tư tưởng xã hội và các tổ chức tương ứng
30. Toàn bộ các quan điểm chính trị, pháp quyền, triết học, đạo đức, tôn giáo…và các thể chế tương ứng như nhà nước, đảng phái, đoàn thể, giáo hội…được hình thành trên cơ sở hạ tầng nhất định

1. Xét đến cùng nhân tố quyết định sự thắng lợi của một trật tự xã hội mới là:

a. Năng suất lao động

b. Sức mạnh của pháp luật

c. Hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

d. Sự điều hành, quản lý của nhà nước

1. Bốn đặc trưng của giai cấp, đặc trưng nào quyết định nhất?
   1. Giai cấp là những tập đoàn có địa vị khác nhau trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định.
   2. Các giai cấp có quan hệ khác nhau đối với tư liệu sản xuất
   3. Các giai cấp có vai trò khác nhau trong tổ chức lãnh đạo xã hội, trong quản lý sản xuất
   4. Các giai cấp có vai trò khác nhau về phương thức và quy mô thu nhập của cải xã hội
2. Sự chuyển biến của xã hội loài người qua các giai đoạn lịch sử khác nhau được quyết định bởi:
3. Phương thức sản xuất
4. Lực lượng sản xuất
5. Quan hệ sản xuất
6. Cơ sở hạ tầng
7. Lịch sử phát triển của xã hội loài người đã đang và sẽ trải qua các phương thức sản xuất hay các chế độ xã hội như sau:
   1. Công xã nguyên thuỷ, chế độ phong kiến, chiếm hữu nô lệ, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa (giai đoạn thấp của nó là xã hội chủ nghĩa)
   2. Công xã nguyên thuỷ, chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa (giai đoạn thấp của nó là xã hội chủ nghĩa)
   3. Chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa (giai đoạn thấp của nó là xã hội chủ nghĩa)
   4. Công xã nguyên thuỷ, chế độ phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa (giai đoạn thấp của nó là xã hội chủ nghĩa)
8. Xã hội loài người là một dạng phát triển đặc biệt của:
   1. Đấng tối cao
   2. Thế giới tinh thần
   3. Thế giới vật chất
   4. Con người
9. Mác đã giải thích xã hội trên quan điểm :
10. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
11. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
12. Chủ nghĩa duy thực
13. Chủ nghĩa duy tâm biện chứng
14. Lao động của con người là hoạt động mang tính:
15. Tính cá nhân
16. Tính xã hội
17. Dân chủ
18. Tự do
19. Khi nền sản xuất được thực hiện với những công cụ ở trình độ thủ công, đơn giản thì lực lượng sản xuất mang tính:
20. Tính xã hội
21. Cá nhân
22. Tính quần chúng
23. Tính lạc hậu
24. Xã hội loài người xuất hiện:
25. Đã có giai cấp
26. Không bao giờ có giai cấp
27. Giai cấp tồn tại ngẫu nhiên
28. Không phải bao giờ cũng tồn tại các giai cấp. Giai cấp chỉ xuất hiện khi xã hội phát triển đến một trình độ nhất định
29. Tiêu chuẩn khách quan để phân định các chế độ xã hội trong lịch sử?
30. Quan hệ sản xuất đặc trưng
31. Lực lượng sản xuất
32. Chính trị, tư tưởng
33. Phương thức sản xuất
34. Chọn câu trả lời đúng. Theo quan điểm triết học Mác- Lênin, muốn thay đổi một chế độ xã hội thì:
35. Thay đổi lực lượng sản xuất
36. Tạo ra nhiều của cải
37. Thay đổi quan hệ sản xuất
38. Thay đổi phương thức sản xuất
39. Chọn quan điểm đúng trong các quan điểm sau:
40. Tồn tại xã hội có trước, ý thức xã hội có sau, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội
41. Tồn tại xã hội có trước, ý thức xã hội có sau, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội nhưng ý thức xã hội có sự tác động trở lại tồn tại xã hội
42. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội ra đời đồng thời nhưng tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, ý thức xã hội có sự tác động trở lại tồn tại xã hội
43. Các câu trên đều sai
44. Chọn phương án đúng. Ý thức xã hội có thể:

a. Hoàn toàn độc lập với tồn tại xã hội

b. Lạc hậu so với tồn tại xã hội

c. Biến mất cùng tồn tại xã hội ngay lập tức

d. Các phương án trên đều sai

1. Một trong những nhân tố tạo ra sự lạc hậu của ý thức xã hội so với tồn tại xã hội là:

a. Những điều kiện tự nhiên ảnh hưởng tới tâm lý con người

b. Xu hướng hoài cổ trong đời sống tâm lý

c. Ý thức xã hội gắn liền với lợi ích của những giai cấp, tập đoàn người nhất định trong lịch sử

d. Các phương án trên đều sai

1. Một trong những biểu hiện tính độc lập tương đối của ý thức xã hội?

a. Nó có thể vượt trước tồn tại xã hội

b. Nó không chịu tác động quy định của tồn tại xã hội

c. Nó vận động chỉ bằng những quy luật nội tại của đời sống tinh thần

d. Các phương án trên đều sai

1. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản được gọi là:
2. Mâu thuẫn đối kháng
3. Mâu thuẫn bên trong
4. Mâu thuẫn cơ bản
5. Mâu thuẫn chủ yếu
6. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác được quyết định bởi:
7. 3 tiền đề
8. 4 tiền đề
9. 5 tiền đề
10. 6 tiền đề
11. Mâu thuẫn đối kháng giữa các giai cấp là do:
12. Sự khác nhau về tư tưởng, lối sống
13. Sự đối lập về lợi ích cơ bản - kinh tế
14. Sự khác nhau về giàu nghèo
15. Sự khác nhau về đẳng cấp xã hội
16. Triết học do Mác và Ph.Ăng-ghen thực hiện là bước ngoặt cách mạng trong sự phát triển của triết học, biểu hiện vĩ đại nhất của bước ngoặt cách mạng đó là gì?
17. Việc thay đổi căn bản tính chất của triết học, thay đổi căn bản đối tượng của nó và mối quan hệ đối với các khoa học khác
18. Việc gắn bó chặt chẽ giữa triết học với phong trào cách mạng của giai cấp vô sản và quần chúng lao động
19. Việc sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử làm thay đổi hẳn quan niệm của con người về xã hội
20. Tất cả các câu trên đều sai
21. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai:
22. Thực tiễn không có lý luận là thực tiễn mù quáng
23. Lý luận không có thực tiễn là lý luận suông
24. Lý luận có thể phát triển tự nó không cần thực tiễn
25. Lý luận và thực tiễn có mối quan hệ biện chứng
26. Triết học Mác là thế giới quan khoa học của:
27. Giai cấp tư sản tiến bộ
28. Giai cấp công nhân
29. Tầng lớp trí thức
30. Giai cấp tiểu tư sản
31. Triết học ra đời từ đâu?
32. Từ sự sáng tạo của các nhà tư tưởng thiên tài
33. Từ sự suy tư trăn trở của con người
34. Từ thực tiễn, do nhu cầu thực tiễn
35. Từ khát vọng vươn lên của con người
36. Ý nghĩa định nghĩa vật chất của Lênin được thể hiện:
37. Khẳng định tính thứ nhất của vật chất
38. Cho phép xác định cái gì là vật chất trong lĩnh vực xã hội
39. Bác bỏ thuyết không thể biết
40. Các phương án trên đều đúng
41. Theo Ph.Ăng-ghen, có thể chia vận động thành:
42. 4 hình thức vận động cơ bản
43. 5 hình thức vận động cơ bản
44. 6 hình thức vận động cơ bản
45. Vô số các hình thức vận động cơ bản
46. Vận động là:
47. Sự chuyển động của các vật thể trong không gian
48. Sự chuyển hóa từ trạng thái này sang trạng thái khác của sự vật hiện tượng
49. Sự thay đổi vị trí của các sự vật hiện tượng trong không gian, thời gian
50. Mọi sự biến đổi nói chung của các sự vật hiện tượng trong không gian và thời gian
51. Quan niệm nào dưới đây là đúng nhất?

a. Vận động là tuyệt đối, đứng im là tương đối

b. Vận động là tương đối, đứng im là tuyệt đối

c. Cả vận động và đứng im đều có tính tuyệt đối

d. Cả vận động và đứng im đều có tính tương đối

1. Đứng im chẳng qua chỉ là?

a. Vận động trong thăng bằng

b. Vận động tuần hoàn

c. Khi thì vận động, khi thì không vận động

d. Các ý kiến trên đều sai

1. Trong các hình thức đấu tranh giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, hình thức nào là cơ bản nhất?
2. Chính trị
3. Kinh tế
4. Quân sự
5. Tư tưởng văn hóa
6. Đặc điểm của ý thức xã hội thông thường:
7. Có tính chất chỉnh thể, hệ thống và phong phú sinh động
8. Phản ánh trực tiếp đời sống hàng ngày và rất phong phú, sinh động, đa dạng, muôn vẻ
9. Phản ánh gián tiếp hiện thực
10. Phản ánh khái quát, gián tiếp hiện thực dưới dạng cấc khái niệm, phạm trù
11. Quan điểm nào cho rằng sự phát triển chỉ là sự tăng, giảm đơn thuần về mặt lượng, không có sự thay đổi về chất?
12. Quan điểm siêu hình
13. Quan điểm biện chứng
14. Quan điểm duy tâm
15. Quan điểm duy ngã
16. Sự vật mới ra đời bao giờ cũng trên cơ sở những cái đã có của sự vật cũ, qua đó tiến hành chọn lọc những cái tích cực, tiến bộ, phù hợp để tiếp tục phát triển. Điều này thể hiện tính chất gì của sự phát triển?
17. Tính khách quan
18. Tính phổ biến
19. Tính đa đạng, phong phú
20. Tính kế thừa
21. Quan điểm nào góp phần khắc phục tư tưởng bảo thủ, trì trệ, định kiến trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn?
22. Quan điểm lịch sử cụ thể
23. Quan điểm toàn diện
24. Quan điểm phát triển
25. Quan điểm duy vật
26. Vai trò của ý thức cá nhân đối vối ý thúc xã hội?
27. Ý thức cá nhân là phương thức tồn tại và biểu hiện của ý thức xã hội
28. Tổng cộng ý thưc cá nhân bằng ý thức xã hội
29. Ý thức cá nhân độc lập vối ý thức xã hội
30. Ý thức cá nhân quyết định ý thức xã hội
31. Giữa phạm trù triết học của phép biện chứng duy vật và phạm trù của các khoa học cụ thể có mối quan hệ biện chứng với nhau. Mối quan hệ đó là:
32. Quan hệ giữa bản chất và hiện tượng
33. Quan hệ giữa cái chung và cái riêng
34. Quan hệ giữa nội dung và hình thức
35. Quan hệ giữa sự vật và hiện tượng
36. Phạm trù triết học nào dùng để chỉ tổng hợp tất cả những mặt, những yếu tố, những quá trình tạo nên sự vật?
37. Bản chất
38. Nội dung
39. Hiện thực
40. Mục đích
41. Tổng hợp tất cả những mặt, những mối liên hệ tất nhiên, tương đối ổn định bên trong sự vật, quy định sự vận động và phát triển của sự vật được gọi là:
42. Nội dung
43. Bản chất
44. Cái chung
45. Hiện tượng
46. Không có hình thức nào tồn tại thuần túy không chứa nội dung, và cũng không có nội dung nào lại không tồn tại trong những hình thức xác định. Quan điểm này thể hiện:
47. Vai trò quyết định của nội dung đối với hình thức
48. Sự tác động trở lại của hình thức đối với nội dung.
49. Sự thống nhất giữa nội dung và hình thức
50. Sự độc lập giữa nội dung và hình thức
51. Quy luật được coi là hạt nhân của phép biện chứng duy vật là:
52. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập
53. Quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại
54. Quy luật phủ định của phủ định
55. Quy luật tự nhiên
56. Chọn câu của C.Mác định nghĩa bản chất con người:
57. Trong tính hiện thực, bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội
58. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa tất cả các quan hệ xã hội
59. Bản chất con người không phải là gì trừu tượng vốn có của các cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội
60. Con người là động vật xã hội
61. Quan điểm ủng hộ cái mới tiến bộ, chống lại cái cũ, cái lỗi thời, lạc hậu kìm hãm sự phát triển là quan điểm được rút ra trực tiếp từ:
62. Quy luật thống nhất và quy luật đấu tranh của các mặt đối lập
63. Quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại
64. Quy luật phủ định của phủ định
65. Quy luật xã hội
66. Quan điểm nào về sản xuất vật chất sau đây là đúng?
67. Sản xuất vật chất là quá trình người lao động sử dụng công cụ tác động vào tự nhiên, biến đổi tự nhiên, tạo ra của cải vật chất
68. Là quá trình tạo ra của cải vật chất bởi con người
69. Sản xuất vật chất là quá trình sản xuất xã hội
70. Sản xuất vật chất là quá trình con người tạo ra các tư liệu sản xuất
71. Thực tiễn là:
72. Hoạt động vật chất có mục đích mang tính lịch sử-xã hội của con người
73. Hoạt động tinh thần nhằm tạo ra các giá trị thẩm mỹ
74. Một số hoạt động vật chất và một số hoạt động tinh thần
75. Hoạt động kinh tế
76. Ba hình thức cơ bản nhất của thực tiễn là:
77. Hoạt động chính trị xã hội
78. Hoạt động sản xuất ra của cải vật chất
79. Hoạt động thực nghiệm khoa học
80. Các phương án trên đều đúng
81. Hình thức cao nhất của nhận thức cảm tính là:
82. Tri giác
83. Biểu tượng
84. Cảm giác
85. Khái niệm
86. Hình thức cao nhất của nhận thức lý tính là:
87. Phán đoán
88. Suy lý (suy luận)
89. Khái niệm
90. Biểu tượng
91. Cơ sở, động lực, mục đích của nhận thức là:
92. Hoạt động lý luận
93. Thực tiễn
94. Hoạt động văn hóa nghệ thuật
95. Kinh tế
96. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận với thực tiễn là nguyên tắc được rút ra trực tiếp từ:
97. Lý luận về nhận thức
98. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức
99. Mối quan hệ giữa khả năng và hiện thực
100. Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức
101. Giai đoạn mà con người sử dụng các giác quan để tác động trực tiếp vào các sự vật nhằm nắm bắt các sự vật ấy được gọi là:
102. Nhận thức thông thường
103. Nhận thức lý tính
104. Nhận thức cảm tính
105. Nhận thức gián tiếp
106. Chân lý có những tính chất gì?
107. Tính khách quan, tính tương đối, tính hoàn chỉnh
108. Tính khách quan, tính tuyệt đối, tính tương đối, tính cụ thể
109. Tính khách quan, tính tuyệt đối, tính phổ biến
110. Tính đa dạng, phong phú
111. Yếu tố giữ vai trò hàng đầu trong lực lượng sản xuất là :
112. Công cụ lao động
113. Người lao động
114. Khoa học - công nghệ
115. Tư liệu lao động
116. Động lực chủ yếu của sự tiến bộ xã hội là:
117. Sự phát triển của lực lượng sản xuất
118. Sự phát triển của hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật
119. Sự phát triển của các quan hệ quốc tế, hợp tác quốc tế
120. Không có phương án nào đúng
121. Quan hệ sản xuất là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất, nó là quan hệ:
122. Tồn tại chủ quan, bị quy định bởi chế độ kinh tế
123. Tồn tại chủ quan, bị qui định bởi chế độ chính trị, xã hội
124. Tồn tại chủ quan, bị qui định bởi văn hóa
125. Tồn tại khách quan, độc lập với ý thức và không phụ thuộc vào ý thức của con người
126. Quan hệ giữ vai trò quyết định đối với các quan hệ còn lại trong quan hệ giữa nguời với người của quá trình sản xuất là:
127. Quan hệ phân phối sản phẩm lao động
128. Quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất
129. Quan hệ tổ chức, quản lý và phân công lao động
130. Quan hệ cạnh tranh
131. Chọn quan điểm đúng nhất trong các quan điểm sau đây:
132. Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội
133. Đấu tranh giai cấp là một trong những động lực phát triển của xã hội
134. Đấu tranh giai cấp là một trong những động lực phát triển của xã hội có giai cấp
135. Đấu tranh giai cấp là vấn đề của nhà nước
136. Giai cấp sẽ mất đi khi:

a. Cách mạng xã hội thành công

b. Nhà nước phản động bị lật đổ

c. Các giai cấp bị áp bức đoàn kết lại

d. Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất bị xóa bỏ

1. Cách mạng xã hội được coi là những “đầu tầu của lịch sử” do nó đã:

a. Tạo ra sự biến đổi có tính chất bước ngoặt về chất trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội

b. Thay thế hình thái kinh tế - xã hội lạc hậu bằng một hình thái kinh tế - xã hội cao hơn, tiến bộ hơn

c. Lật đổ một chế độ chính trị lỗi thời, thiết lập một chế độ chính trị tiến bộ hơn

d. Các phương án trên đều đúng

1. Giai cấp lãnh đạo Cách mạng là giai cấp?

a. Chiếm số lượng đông nhất trong lực lượng Cách mạng

b. Có địa vị kinh tế xã hội cao nhất

c. Có vai trò quyết định trong đời sống kinh tế

d. Đại biểu cho phương thức sản xuất mới

1. Đấu tranh giai cấp nhằm :
2. Giải quyết mâu thuẫn về mặt lợi ích giai cấp
3. Bảo vệ lợi ích chung cho tất cả các thành viên trong xã hội
4. Phát triển xã hội
5. Hòa giải mâu thuẫn giữa các tầng lớp dân cư
6. Trong xã hội có giai cấp, ý thức xã hội của các giai cấp có nội dung và hình thức phát triển khác nhau là do:
7. Những điều kiện sinh hoạt vật chất, lợi ích và địa vị của các giai cấp khác nhau qui định
8. Thói quen khác nhau
9. Sở thích khác nhau
10. Văn hóa khác nhau
11. Hãy dùng một trong các cụm từ dưới đây để hoàn thiện quan điểm: “Tư tưởng của giai cấp thống trị trong xã hội có giai cấp chính là tư tưởng........”

a. Thống trị

b. Bất nhân

c. Phản dân chủ

d. Lạc hậu

1. Trong các xã hội có giai cấp, yếu tố của Kiến trúc thượng tầng có tác động mạnh nhất đến Cơ sở hạ tầng là:

a. Toàn bộ lực lượng lao động

b. Trình độ khoa học và công nghệ

c. Nhà nước

d. Năng suất lao động

1. Điểm chủ yếu nhất để phân biệt con người với con vật :
2. Bằng ý thức
3. Bằng tôn giáo
4. Bằng lao động
5. Bằng của cải vật chất
6. Điền từ vào ô trống: “Lực lượng sản xuất hàng đầu của nhân loại là….., là người lao động”.
7. Khoa học kỹ thuật
8. Nền đại công nghiệp
9. Công nhân
10. Trí thức
11. Nhận thức lý tính được thực hiện thông qua những hình thức cơ bản nào?
12. Cảm giác – Tri giác – Biểu tượng
13. Cảm giác – Phán đoán – Tri giác
14. Khái niệm – Phán đoán – Suy lý
15. Khái niệm – Suy lý – Tri giác
16. Chủ nghĩa duy tâm có mấy loại?
17. 2
18. 4
19. 3
20. 5
21. Theo Ăngghen, phương thức tồn tại của vật chất là gì?
22. Vận động
23. Phát triển
24. Phủ định
25. Chuyển hoá từ dạng này sang dạng khác
26. Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, đứng im là:
27. Không biến đổi
28. Biểu hiện của trạng thái vận động trong thăng bằng
29. Không vận động
30. Các phương án trên đều sai
31. Theo quan niệm duy vật biện chứng, ý thức tác động trở lại vật chất thông qua:
32. Sự phê phán
33. Hoạt động thực tiễn
34. Hiện thực
35. Hoàn cảnh
36. Vì sao ý thức xã hội có sức mạnh cải tạo tồn tại xã hội?
37. Vì ý thức xã hội chỉ huy mọi hoạt động của xã hội.
38. Ý thức xã hội có sự phản ánh vượt trước tồn tại xã hội thông qua hoạt động thực tiễn của con người
39. Ý thức xã hội thể hiện hiệu quả tích cực năng động qua các hoạt động của con người
40. Ý thức khoa học phát triển mạnh, giữ vai trò lực lượng sản xuất trực tiếp trong nhiều ngành kinh tế
41. Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng bản chất của quá trình nhận thức là:
42. Sự phản ánh thế giới khách quan một cách năng động của ý thức chủ thể (người).
43. Là quá trình đi từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng
44. Những kinh nghiệm và lí luận được tổng kết từ mọi hoạt động của con người
45. Các phương án trên đều đúng
46. Hình thái kinh tế - xã hội (KT – XH ) là phạm trù của?

a. Các học thuyết triết học nghiên cứu về xã hội

b. Chủ nghĩa duy vật lịch sử

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

d. Kinh tế chính trị học cổ điển

1. Theo quan điểm Mác – Lênin sự thay thế nhau của các hình thái kinh tế - xã hội phải diễn ra.

a. Tuần tự, không thể bỏ qua hình thái nào

b. Tuần tự, sau một chu kỳ sẽ lặp lại

c. Có thể bao hàm sự bỏ qua một hoặc một vài hình thái kinh tế - xã hội nếu hội đủ các điều kiện cần thiết

d. Các phương án trên đều đúng

1. Trong lực lượng sản xuất, yếu tố nào có tính chất động và cách mạng nhất?
2. Đối tượng lao động
3. Tư liệu lao động
4. Công cụ lao động
5. Phương tiện lao động
6. Lực lượng sản xuất là:

a. Mặt tự nhiên (nội dung) của phương thức sản xuất

b. Cơ sở của nền sản xuất vật chất

c. Cấu trúc của nền sản xuất vật chất

d. Công cụ lao động

1. Quan hệ sản xuất là:

a. Nhân tố tạo nên lực lượng sản xuất

b. Nhân tố độc lập hoàn toàn với lực lượng sản xuất

c. Hình thức xã hội của lực lượng sản xuất

d. Nội dung của quá trình sản xuất

1. Mặt xã hội của phương thức sản xuất là gì?
2. Lực lượng sản xuất
3. Quan hệ sản xuất
4. Cơ sở hạ tầng
5. Kiến trúc thượng tầng
6. Pháp quyền, đạo đức, tôn giáo… là những yếu tố thuộc phạm trù nào sau đây?
7. Cơ sở hạ tầng
8. Quan hệ sản xuất
9. Kiến trúc thượng tầng
10. Lực lượng sản xuât
11. Quy luật xã hội nào giữ vai trò quyết định sự vận động, phát triển của xã hội?
12. Quy luật đấu tranh giai cấp
13. Quy luật cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng
14. Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
15. Quy luật tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

Phần 2: Kinh tế chính trị Mác – Lênin

1. Vì sao hàng hóa có hai thuộc tính là giá trị và giá trị sử dụng?
   * + - 1. Vì lao động sản xuất hàng hóa có tính chất hai mặt
         2. Vì có hai loại lao động là lao động trừu tượng và lao động cụ thể
         3. Vì hàng hóa được đem ra trao đổi, mua bán trên thị trường
         4. Vì hàng hóa là sản phẩm lao động của con người và để đáp ứng nhu cầu của con người
2. Học thuyết kinh tế nào của Mác được coi là “hòn đá tảng”?
   * + - 1. Học thuyết giá trị
         2. Học thuyết giá trị thặng dư
         3. Học thuyết tích lũy tư bản
         4. Học thuyết tái sản xuất tư bản xã hội
3. C.Mác đã dựa vào học thuyết nào để vạch rõ bản chất bóc lột của xã hội tư bản:
   * + - 1. Học thuyết chủ nghĩa duy vật lịch sử
         2. Học thuyết giá trị thặng dư
         3. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội
         4. Học thuyết giá trị
4. Tư bản là:
   * + - 1. Tiền và máy móc thiết bị
         2. Giá trị dôi ra ngoài sức lao động
         3. Tiền có khả năng tự tăng lên
         4. Giá trị mang lại giá trị thăng dư bằng cách bóc lột lao động làm thuê
5. Giá trị hàng hóa được quyết định bởi?
   * + - 1. Sự khan hiếm của hàng hóa
         2. Công dụng của hàng hóa
         3. Giá cả của hàng hóa
         4. Lao động của người sản xuất hàng hóa kết kinh trong hàng hóa
6. Mối quan hệ giữa hai thuộc tính giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa là?
   * + - 1. Thống nhất
         2. Đối lập
         3. Thống nhất của hai mặt đối lập
         4. Mâu thuẫn
7. Chọn câu trả lời sai
   * + - 1. Lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng của hàng hóa
         2. Lao động cụ thể không phải là nguồn gốc duy nhất của giá trị sử dụng do nó sản xuất ra
         3. Lao động trừu tượng tạo ra giá trị
         4. Lao động cụ thể và lao động trừu tượng không tạo ra giá trị
8. Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa?
   * + - 1. Năng suất lao động, cường độ lao động
         2. Mức độ phức tạp của lao động
         3. Yếu tố cung cầu trên thị trường
         4. Các phương án trên đều đúng
9. Chọn câu trả lời đúng?
   * + - 1. Hàng hóa sức lao động không chỉ có giá trị sử dụng mà còn có giá trị
         2. Hàng hóa sức lao động chỉ có giá trị, không có giá trị sử dụng
         3. Hàng hóa sức lao động có giá trị sử dụng, không có giá trị
         4. Sức lao động không phải là hàng hóa nên không có hai thuộc tính giá trị và giá trị sử dụng
10. Tiền công danh nghĩa là gì?
    * + - 1. Là số tiền mà người công nhân nhận được do bán sức lao động của mình cho nhà tư bản
          2. Là số tiền được biểu hiện bằng số lượng hàng hóa tiêu dùng và dịch vụ mà người công nhân mua được
          3. Là giá cả sức lao động, biến động theo quan hệ cung cầu về hàng hóa sức lao động trên thị trường
          4. Các phương án trên đều sai
11. Cơ sở vật chất của CNTB là gì? Chọn câu trả lời đúng.
    * + - 1. Công trường thủ công
          2. Nền đại công nghiệp cơ khí
          3. Cuộc cách mạng công nghiệp
          4. Trình độ sản xuất máy móc, cơ khí hóa
12. Chọn câu trả lời đúng. Qui luật giá trị có yêu cầu gì?
    * + - 1. Sản xuất và trao đổi hàng hóa phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội, lưu thông hàng hóa phải dựa trên nguyên tắc ngang giá
          2. Phải điều chỉnh sao cho hao phí lao động cá biệt tương xứng với hao phí lao động xã hội
          3. Phải điều tiết quá trình sản xuất và lưu thông hàng hóa
          4. Phải cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động
13. Lao động sản xuất có vai trò gì với con người?
    * + - 1. Tạo ra của cải vật chất để nuôi sống con người
          2. Phát triển, hoàn thiện con người cả về thể lực và trí lực
          3. Giúp con người tích lũy kinh nghiệm, chế tạo ra công cụ sản xuất ngày càng tinh vi
          4. Các phương án trên đều đúng
14. Đối tượng lao động là:
    * + - 1. Các vật có trong tự nhiên
          2. Những vật mà lao động của con người tác động vào nhằm thay đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người
          3. Những vật dùng để truyền dẫn sức lao động của con người
          4. Các máy móc, trang thiết bị
15. Sản xuất hàng hóa tồn tại:
    * + - 1. Trong mọi xã hội
          2. Trong chế độ chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa
          3. Trong các xã hội có phân công lao động xã hội và tư hữu về tư liệu sản xuất, tạo sự sự tách biệt về kinh tế giữa những người sản xuất
          4. Chỉ có trong chủ nghĩa tư bản
16. Giá cả hàng hóa là:
    * + - 1. Giá trị của hàng hóa
          2. Quan hệ về lượng giữa tiền và hàng
          3. Tổng của chi phí sản xuất và lợi nhuận
          4. Biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa
17. Quan hệ cung cầu thuộc khâu nào của quá trình tái sản xuất xã hội?
    * + - 1. Sản xuất và tiêu dùng
          2. Trao đổi
          3. Tiêu dùng
          4. Phân phối và trao đổi
18. Tư bản bất biến (c) là:
    * + - 1. Bộ phận tư bản biến thành tư liệu sản xuất mà giá trị của nó chuyển dần vào sản phẩm qua khấu hao
          2. Bộ phận tư bản biến thành tư liệu sản xuất mà giá trị của nó lớn lên trong quá trình sản xuất
          3. Bộ phận tư bản biến thành tư liệu sản xuất mà giá trị của nó không thay đổi về lượng và được chuyển nguyên vẹn vào sản phẩm
          4. Bộ phận tư bản biến thành tư liệu sản xuất mà giá trị của nó không thay đổi và được chuyển ngay sang sản phẩm sau một chu kỳ sản xuất
19. Tư bản bất biến (c) có vai trò như thế nào trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư?
    * + - 1. Là điều kiện cần thiết không thể thiếu để sản xuất giá trị thặng dư
          2. Là nguồn gốc của giá trị thặng dư
          3. Đóng vai trò quyết định trong quá trình tạo ra giá trị thặng dư
          4. Đóng vai trò quan trọng trong quá trình tạo ra giá trị thặng dư
20. CNTB độc quyền là?
    * + - 1. Một phương thức sản xuất mới
          2. Một giai đoạn phát triển của phương thức sản xuất TBCN
          3. Một hình thái kinh tế xã hội mới
          4. Một nấc thang phát triển của lực lượng sản xuất TBCN
21. Đâu không phải là nguyên nhân ra đời của CNTB độc quyền?
    * + - 1. Do cạnh tranh
          2. Do khủng hoảng kinh tế
          3. Do tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ
          4. Do sự đấu tranh quyết liệt của giai cấp công nhân
22. Xuất khẩu tư bản là:
    * + - 1. Đưa tư bản ra nước ngoài để trực tiếp kinh doanh thu lợi nhuận cao
          2. Cho nước ngoài vay để thu lợi tức
          3. Mang hàng hóa ra nước ngoài để thực hiện giá trị
          4. Các phương án trên đều đúng
23. Giá cả hàng hóa chịu ảnh hưởng của các nhân tố nào sau đây?
    * + - 1. Giá trị hàng hóa
          2. Giá trị của tiền
          3. Quan hệ cung - cầu về hàng hóa
          4. Các phương án trên đều đúng
24. Nguồn gốc của tích lũy tư bản?
    * + - 1. Giá trị thặng dư
          2. Lực lượng sản xuất
          3. Quan hệ cung – cầu
          4. Do nhà tư bản vay vốn ngân hàng
25. Ý nghĩa quan trọng nhất của việc nghiên cứu hàng hóa sức lao động?
    * + - 1. Tìm ra chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn của công thức chung của tư bản
          2. Để giải thích được vì sao sức lao động là hàng hóa, còn lao động thì không phải là hàng hóa
          3. Để giải quyết việc làm cho người lao động và thúc đẩy sự phát triển kinh tế
          4. Để hiểu được bản chất của tiền công
26. Công thức chung của Tư bản là :
    * + - 1. T - H’ - T
          2. T - T - H’
          3. T - H - T’
          4. H - T’- H
27. Mục đích cuối cùng của chủ sản xuất hàng hóa là:
    * + - 1. Đáp ứng nhu cầu thị trường
          2. Cải thiện mức sống
          3. Lợi nhuận tối đa
          4. Phát triển văn hóa
28. Lịch sử phát triển của nền sản xuất xã hội trải qua hai kiểu tổ chức kinh tế nào:
    * + - 1. Sản xuất giá trị thặng dư và sản xuất tự cung tự cấp
          2. Sản xuất tự cung tự cấp và sản xuất hàng hóa
          3. Sản xuất giá trị thặng dư và sản xuất hàng hóa
          4. Kinh tế tư nhân và kinh tế tập thể
29. Chủ nghĩa tư bản phát triển qua các giai đoạn nào?
    * + - 1. Chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh và chủ nghĩa tư bản độc quyền
          2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa đế quốc
          3. Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa kinh nghiệm
          4. Chủ nghĩa tư bản bất biến và chủ nghĩa tư bản khả biến
30. Kinh tế tự nhiên là:
    * + - 1. Sản xuất ra để bán
          2. Sản xuất ra để bản thân người sản xuất tiêu dùng
          3. Sản xuất ra để cho người thân tiêu dùng
          4. Sản xuất ra để đáp ứng nhu cầu toàn xã hội
31. Hai thuộc tính của hàng hóa là:
    * + - 1. Giá trị và giá trị trao đổi
          2. Giá trị sử dụng và giá trị trao đổi
          3. Giá trị và giá trị sử dụng
          4. Giá cả và giá trị sử dụng
32. Sản xuất hàng hoá ra đời và tồn tại khi có mấy điều kiện?
    * + - 1. 2
          2. 4
          3. 3
          4. 5
33. Ngoài phân công lao động xã hội, sự ra đời của sản xuất hàng hoá còn dựa trên điều kiện nào?
    * + - 1. Do quá trình trao đổi hàng hoá để đáp ứng nhu cầu của nhiều người
          2. Do khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển mạnh mẽ
          3. Do có chế độ tư hữu hay các hình thức sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất
          4. Do chế độ Tư bản chủ nghĩa ra đời
34. So với kinh tế tự nhiên, kinh tế hàng hóa có ưu thế nào?
    * + - 1. Thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội.
          2. Tạo nhiều hàng hoá đáp ứng nhu cầu đa dạng cho xã hội.
          3. Thúc đẩy nhanh quá trình tích tụ và tập trung sản xuất, tạo cho nền sản xuất hàng hoá lớn ra đời và phát triển.
          4. Các phương án trên đều đúng
35. Hàng hoá là gì?
    * + - 1. Là sản phẩm của lao động.
          2. Là sản phẩm tạo ra nhằm thoả mãn nhu cầu của con người
          3. Là sản phẩm của lao động có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua bán
          4. Là sản phẩm của lao động có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua bán và đem về lượng giá trị thặng dư
36. Giá trị của hàng hoá là gì?
    * + - 1. Là công dụng, là tính có ích của hàng hoá.
          2. Là chức năng của hàng hóa, có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người.
          3. Là số tiền dùng để mua hàng hoá đó.
          4. Là lao động xã hội của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hóa
37. Tiền tệ có mấy chức năng?
    * + - 1. 5
          2. 7
          3. 6
          4. 8
38. Quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hoá là quy luật nào?
    * + - 1. Quy luật cung - cầu
          2. Quy quật cạnh tranh
          3. Quy luật giá trị
          4. Quy luật lưu thông tiền tệ
39. Chọn câu trả lời sai. Quy luật giá trị có những tác dụng nào?
    * + - 1. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá
          2. Kích thích cải tiến kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất
          3. Phân hoá người sản xuất
          4. Chỉ rõ bản chất bóc lột của tư bản với lao động làm thuê
40. Phần giá trị dôi ra ngoài giá trị hàng hoá sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không gọi là gì?
    * + - 1. Giá trị hàng hoá
          2. Giá trị hàng hoá sức lao động
          3. Giá trị thặng dư
          4. Giá trị sử dụng
41. Giá trị của hàng hoá gồm những bộ phận nào?
    * + - 1. c + v + m
          2. c + v + g
          3. v + m
          4. c + h + m.
42. Thực chất của quá trình tích luỹ tư bản là gì?
    * + - 1. Là quá trình tăng năng suất lao động
          2. Là quá trình mở rộng sản xuất của nhà tư bản
          3. Là quá trình nâng cao trình độ bóc lột sức lao động
          4. Là quá trình tư bản hoá giá trị thặng dư
43. Quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản là quy luật nào?
    * + - 1. Quy luật giá trị thặng dư
          2. Quy luật tăng năng suất lao động
          3. Quy luật mở rộng sản xuất
          4. Quy luật giá trị
44. Mục đích của xuất khẩu tư bản là gì?
    * + - 1. Giúp đỡ các nước nghèo phát triển.
          2. Giải quyết số tư bản thừa trong nước
          3. Để thực hiện giá trị
          4. Nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao
45. Chủ nghĩa tư bản thực hiện mấy phương pháp chủ yếu để sản xuất giá trị thặng dư?
    * + - 1. 2
          2. 4
          3. 3
          4. 5
46. Mâu thuẫn kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản là gì?
    * + - 1. Mâu thuẫn giữa nhu cầu về tài nguyên với việc các nguồn tài nguyên bị cạn kiệt
          2. Mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất
          3. Mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế với việc bảo vệ môi trường
          4. Mâu thuẫn giữa sản xuất và tiêu dùng
47. Biểu hiện về mặt xã hội của mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hoá của lực lượng sản xuất với quan hệ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất trong xã hội tư bản là gì?
    * + - 1. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản
          2. Mâu thuẫn giữa các nhà tư bản với nhau
          3. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp nông dân
          4. Mâu thuẫn giữa các nhà tư bản độc quyền
48. Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến C và tư bản khả biến V là để biết:
    * + - 1. Đặc điểm chuyển giá trị của từng loại tư bản vào sản phẩm
          2. Vai trò của lao động quá khứ và lao động sống trong việc tạo ra giá trị sử dụng
          3. Nguồn gốc giá trị thặng dư
          4. Các phương án trên đều đúng
49. Chọn ý không đúng về lợi nhuận:
    * + - 1. Là con đẻ của tư bản khả biến
          2. Là con đẻ của tư bản ứng trước
          3. Là hiệu số giữa tổng doanh thu trừ đi tổng chi phí
          4. Là hình thức chuyển hóa của giá trị thặng dư
50. Nhận xét nào dưới đây đúng về tỷ suất giá trị thặng dư. Tỷ suất giá trị thặng dư phản ánh:
    * + - 1. Trình độ bóc lột đối với lao động làm thuê
          2. Hiệu quả của tư bản
          3. Quy mô của sản xuất
          4. Quy mô bóc lột
51. Nhận xét nào dưới đây đúng về tiền công TBCN?
    * + - 1. Là giá trị của hàng hóa sức lao động
          2. Là số tiền nhà tư bản trả cho công nhân làm thuê
          3. Là giá cả của lao động
          4. Là biểu hiện bằng tiền của giá trị sức lao động
52. Đặc điểm nào dưới đây thuộc phạm trù giá trị thặng dư tuyệt đối?
    * + - 1. Kéo dài ngày lao động còn thời gian lao động cần thiết không đổi
          2. Sử dụng kỷ thuật tiên tiến, cải tiến tổ chức quản lý
          3. Tăng năng suất lao động
          4. Tăng năng suất lao động cá biệt làm cho giá trị cá biệt thấp hơn giá trị thị trường
53. Chọn câu trả lời sai:
    * + - 1. Tái sản xuất giản đơn là đặc trưng của nền sản xuất nhỏ
          2. Tái sản xuất giản đơn là việc tổ chức sản xuất đơn giản không phức tạp
          3. Tái sản xuất mở rộng là đặc trưng của nền sản xuất lớn
          4. Sản phẩm thặng dư là nguồn gốc của tái sản xuất mở rộng
54. Ý kiến nào đúng về lao động trừu tượng?
    * + - 1. Là phạm trù riêng của CNTB
          2. Là phạm trù lịch sử của sản xuất hàng hóa
          3. Là phạm trù riêng của kinh tế thị trường
          4. Là phạm trù chung của mọi nền kinh tế
55. Khi năng suất lao động tăng, trường hợp nào dưới đây không đúng?
    * + - 1. Số lượng sản phẩm làm ra trong một đơn vị thời gian tăng lên
          2. Giá trị tổng sản phẩm không đổi
          3. Giá trị của một đơn vị sản phẩm giảm
          4. Giá trị của một một đơn vị sản phẩm không đổi
56. Khi năng suất lao động tăng, số lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian sẽ:
    * + - 1. Không đổi
          2. Tăng
          3. Tăng gấp đôi
          4. Giảm
57. Khi nghiên cứu phương thức sản xuất TBCN, Mác bắt đầu từ:
    * + - 1. Nền sản xuất của cải vật chất
          2. Sự phân tích hàng hóa
          3. Nền sản xuất tự cấp tự túc
          4. Quá trình sản xuất giá trị thặng dư
58. Lợi nhuận là:
    * + - 1. Tỷ lệ phần lãi trên tổng số tư bản
          2. Là tiền công mà doanh nhân tự trả cho công nhân
          3. Là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư
          4. Là hiệu số giữa giá trị hàng hóa và chi phí sản xuất
59. Qui luật giá trị biểu hiện sự vận động thông qua sự vận động của:
    * + - 1. Giá cả hàng hóa
          2. Giá cả độc quyền
          3. Giá cả sản xuất
          4. Giá cả thị trường
60. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa tư bản công nghiệp và tư bản thương nghiệp dựa vào đâu?
    * + - 1. Khối lượng giá trị thặng dư
          2. Tỷ suất lợi nhuận
          3. Tỷ suất giá trị thặng dư
          4. Tỷ suất lợi nhuận bình quân
61. CNTB độc quyền nhà nước là:
    * + - 1. Một quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội
          2. Một chính sách trong giai đoạn độc quyền
          3. Một giai đoạn phát triển sau của chủ nghĩa tư bản độc quyền
          4. Một cơ chế điều tiết của nhà nước tư sản
62. Giá cả lớn hơn giá trị khi:
    * + - 1. Cung nhỏ hơn cầu
          2. Cung bằng cầu
          3. Cung lớn hơn cầu
          4. Cầu nhỏ hơn cung
63. Giá trị sử dụng là gì?
    * + - 1. Là công dụng của vật phẩm, là nó có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người
          2. Là hao phí lao động tạo ra sản phẩm
          3. Là thuộc tính tự nhiên của vật
          4. Là thuộc tính duy nhất của hang hóa
64. Câu trả lời nào là không đúng về bản chất của tiền tệ?
    * + - 1. Là hàng hóa đặc biệt, được tách ra từ thế giới hàng hóa, dùng làm vật ngang giá chung cho các hàng hóa khác
          2. Thể hiện lao động xã hội kết tinh trong hàng hóa
          3. Phản ánh quan hệ kinh tế giữa những người sản xuất hàng hóa với nhau
          4. Là tư bản sinh ra giá trị thặng dư
65. Nhận xét về giá trị thặng dư tương đối và giá trị thặng dư siêu ngạch, ý nào dưới đây là không đúng?
    * + - 1. Đều dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động
          2. Giá trị thặng dư tương đối dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động xã hội còn giá trị thặng dư siêu ngạch dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động cá biệt
          3. Giá trị thặng dư siêu ngạch là hình thái biến tướng của giá trị thặng dư tương đối
          4. Giá trị thặng dư tương đối và giá trị thặng dư siêu ngạch đều tập trung vào việc kéo dài thời gian lao động
66. Khi giá cả hàng hóa đúng bằng giá trị thì:
    * + - 1. p < m
          2. p > m
          3. p = m
          4. p = 0
67. Tư bản cố định là:
    * + - 1. Các tư liệu sản xuất chủ yếu như nhà xưởng, máy móc, giá trị của nó chuyển dần sang sản phẩm
          2. Bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới dạng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu,…
          3. Bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới dạng giá trị sức lao động, giá trị của nó lưu thông toàn bộ cùng với sản phẩm
          4. Tư liệu lao động, đối tượng lao động
68. Nhân tố nào ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa?
    * + - 1. Năng suất lao động
          2. Các điều kiện tự nhiên
          3. Mức độ phức tạp của lao động
          4. Cả phương án trên đều đúng
69. Chọn ý không đúng về hàng hóa sức lao động:
    * + - 1. Nó tồn tại trong con người
          2. Có thể mua bán nhiều lần
          3. Giá trị sử dụng của nó có khả năng tạo ra giá trị mới
          4. Có giá trị sử dụng nhưng không có giá trị
70. Cơ sở chung của giá trị thặng dư tương đối và giá trị thặng siêu ngạch:
    * + - 1. Tăng năng suất lao động cá biệt
          2. Tăng năng suất lao động
          3. Tăng năng suất lao động xã hội
          4. Giảm giá trị sức lao động
71. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối là:
    * + - 1. Sử dụng kỹ thuật tiên tiến, cải tiến tổ chức quản lý
          2. Tiết kiệm chi phí sản xuất
          3. Kéo dài thời gian của ngày lao động hoặc tăng cường độ lao động, trong khi thời gian lao động cần thiết không đổi
          4. Làm cho giá trị cá biệt của hàng hóa thấp hơn giá trị thị trường của nó
72. Trong CNTB độc quyền, qui luật giá trị có hình thức biểu hiện là gì?
    * + - 1. Qui luật giá cả độc quyền
          2. Qui luật giá cả sản xuất
          3. Qui luật lợi nhuận độc quyền
          4. Qui luật lợi nhuận bình quân
73. Trong giai đoạn CNTB tự do cạnh tranh, qui luật giá trị có hình thức biểu hiện gì?
    * + - 1. Qui luật giá cả thị trường
          2. Qui luật giá cả sản xuất
          3. Qui luật lợi nhuận bình quân
          4. Qui luật giá cả độc quyền
74. Chủ nghĩa tư bản độc quyền xuất hiện vào thời gian nào?
    * + - 1. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX
          2. Những năm đầu thế kỷ XIX
          3. Những năm 40 thế kỷ XIX
          4. Đầu thế kỷ XX
75. Lênin khẳng định: “cạnh tranh tự do đẻ ra tập trung sản xuất và sự tập trung sản xuất này, khi phát triển tới một mức độ nhất định, lại dẫn đến…”. chọn từ thích hợp điền vào ô trống để hoàn thiện câu trên.
    * + - 1. Chủ nghĩa tư bản
          2. Độc quyền
          3. Tự do
          4. Chủ nghĩa tư bản độc quyền
76. Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại? chọn câu trả lời sai.
    * + - 1. Sự phát triển nhảy vọt về lực lượng sản xuất
          2. Quan hệ sản xuất ngày phù hợp với lực lượng sản xuất
          3. Điều tiết vĩ mô của nhà nước ngày càng được tăng cường
          4. Điều tiết và phối hợp quốc tế được tăng cường
77. "Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào". Câu nói trên là của ai?
    1. Smith
    2. D.Ricardo
    3. C.Mác
    4. Ph.Ăng ghen
78. Sức lao động là:
    * + - 1. Toàn bộ thể lực và trí lực trong một con người đang sống và được vận dụng để sản xuất ra giá trị sử dụng nào đó.
          2. Khả năng lao động, được tiêu dùng trong quá trình sản xuất.
          3. Hoạt động có mục đích của con người để tạo ra của cải.
          4. Các phương án trên đều đúng
79. Bộ phận nào của tư liệu sản xuất được coi là tiêu chí phản ánh đặc trưng phát triển của một thời đại kinh tế
    * + - 1. Công cụ lao động
          2. Phương tiện lao động
          3. Đối tượng lao động
          4. Cách thức lao động
80. Phương thức sản xuất là sự thống nhất của:
    * + - 1. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội
          2. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
          3. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
          4. Cơ cấu kinh tế và kết cấu giai cấp xã hội
81. Lực lượng sản xuất biểu hiện:
    * + - 1. Quan hệ con người với tự nhiên
          2. Quan hệ con người với con người
          3. Quan hệ con người với tự nhiên và quan hệ người với người
          4. Mặt xã hội của phương thức sản xuất
82. Quan hệ sản xuất biểu hiện:
    * + - 1. Quan hệ giữa người với tự nhiên
          2. Quan hệ kinh tế giữa người với người trong quá trình sản xuất
          3. Quan hệ giữa người với người trong xã hội
          4. Mặt tự nhiên của phương thức sản xuất
83. Quan hệ sản xuất không bao gồm:
    * + - 1. Quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất
          2. Quan hệ về tổ chức quản lý sản xuất xã hội
          3. Quan hệ về phân phối sản phẩm xã hội
          4. Quan hệ bóc lột lao động làm thuê
84. Quan hệ nào giữ vai trò quyết định trong quan hệ sản xuất:
    * + - 1. Quan hệ sở hữu về TLSX
          2. Quan hệ tổ chức quản lý
          3. Quan hệ phân phối sản phẩm
          4. Không quan hệ nào quyết định
85. Hàng hoá là:
    * + - 1. Sản phẩm của lao động để thoả mãn nhu cầu của con người
          2. Sản phẩm của lao động có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua mua bán
          3. Sản phẩm ở trên thị trường
          4. Sản phẩm được sản xuất ra để đem bán
86. Giá trị của hàng hoá được quyết định bởi:
    * + - 1. Sự khan hiếm của hàng hoá
          2. Chất lượng nguyên liệu tạo nên hàng hóa
          3. Lao động trừu tượng của người sản xuất kết tinh trong hàng hoá
          4. Công dụng của hàng hoá
87. Sản xuất hàng hoá tồn tại:
    * + - 1. Trong mọi xã hội
          2. Trong chế độ nô lệ, phong kiến, TBCN
          3. Trong các xã hội, có phân công lao động xã hội và sự tách biệt về kinh tế giữa những người sản xuất
          4. Chỉ có trong CNTB
88. Giá cả hàng hoá là:
    * + - 1. Giá trị của hàng hoá
          2. Quan hệ về lượng giữa hàng và tiền
          3. Tổng của chi phí sản xuất và lợi nhuận
          4. Biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hoá
89. Quy luật giá trị là:
    * + - 1. Quy luật riêng của CNTB
          2. Quy luật cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hoá
          3. Quy luật kinh tế chung của mọi xã hội
          4. Quy luật kinh tế của thời kỳ quá độ lên CNXH
90. Yếu tố quyết định đến giá cả hàng hoá là:
    * + - 1. Giá trị của hàng hoá
          2. Quan hệ cung cầu về hàng hoá
          3. Giá trị sử dụng của hàng hoá
          4. Mẫu mã của hàng hoá
91. Lao động cụ thể là:
    * + - 1. Là phạm trù lịch sử
          2. Lao động tạo ra giá trị của hàng hoá
          3. Tạo ra giá trị sử dụng của hàng hoá
          4. Biểu hiện tính chất xã hội của người sản xuất hàng hoá
92. Giá trị hàng hoá được tạo ra từ đâu?
    * + - 1. Từ sản xuất
          2. Từ phân phối
          3. Từ trao đổi
          4. Cả sản xuất, phân phối và trao đổi
93. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá là:
    * + - 1. Lao động tư nhân và lao động xã hội
          2. Lao động giản đơn và lao động phức tạp
          3. Lao động cụ thể và lao động trừu tượng
          4. Lao động quá khứ và lao động sống
94. Lao động cụ thể là:
    * + - 1. Là những việc làm cụ thể
          2. Là lao động có mục đích cụ thể
          3. Là lao động ở các ngành nghề cụ thể
          4. Là lao động ở các ngành nghề, có mục đích riêng, đối tượng riêng, công cụ lao động riêng và kết quả riêng
95. Lao động trừu tượng là gì?
    * + - 1. Là lao động không cụ thể
          2. Là lao động phức tạp
          3. Là lao động có trình độ cao, mất nhiều công đào tạo
          4. Là sự hao phí sức lao động của người sản xuất hàng hoá nói chung không tính đến những hình thức cụ thể.
96. Thế nào là lao động giản đơn?
    * + - 1. Là lao động làm công việc đơn giản
          2. Là lao động làm ra các hàng hoá chất lượng không cao
          3. Là lao động chỉ làm một công đoạn của quá trình tạo ra hàng hoá
          4. Là lao động không cần trải qua đào tạo cũng có thể làm được
97. Tăng năng suất lao động và tăng cường độ lao động giống nhau ở:
    * + - 1. Đều làm giá trị đơn vị hàng hoá giảm
          2. Đều làm tăng số sản phẩm sản xuất ra trong một thời gian
          3. Đều làm tăng lượng lao động hao phí trong 1 đơn vị thời gian
          4. Các phương án trên đều đúng
98. Giá trị cá biệt của hàng hoá do:
    * + - 1. Hao phí lao động giản đơn trung bình quyết định
          2. Hao phí lao động của ngành quyết định
          3. Hao phí lao động cá biệt của người sản xuất quyết định
          4. Hao phí lao động cá biệt của người sản xuất nhiều hàng hoá quyết định
99. Hai mặt của phương thức sản xuất xã hội là:
    * + - 1. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
          2. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
          3. Sản xuất và tiêu dùng sản phẩm xã hội
          4. Tích luỹ và cải thiện đời sống
100. Mâu thuẫn cơ bản của sản xuất hàng hoá giản đơn là:
     * + - 1. Giữa giá trị với giá trị sử dụng
           2. Giữa lao động giản đơn với lao động phức tạp
           3. Giữa lao động cụ thể với lao động trừu tượng
           4. Giữa lao động tư nhân với lao động xã hội
101. Tiền có 5 chức năng. Chức năng nào không đòi hỏi có tiền vàng?
     * + - 1. Chức năng thước đo giá trị
           2. Chức năng phương tiện lưu thông và phương tiện thanh toán
           3. Chức năng phương tiện cất trữ
           4. Các phương án trên đều đúng
102. Quy luật giá trị không đề cập đến yêu cầu nào?
     * + - 1. Sản xuất và lưu thông hàng hoá phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết
           2. Lưu thông hàng hoá dựa trên nguyên tắc ngang giá
           3. Hao phí lao động cá biệt phải phù hợp với mức hao phí lao động xã hội cần thiết
           4. Đảm bảo cung tương xứng với cầu
103. Điều kiện ra đời của chủ nghĩa tư bản là là:
     * + - 1. Tập trung khối lượng tiền tệ đủ lớn vào một số người để lập ra các xí nghiệp
           2. Xuất hiện một lớp người lao động tự do nhưng không có tư liệu sản xuất và các của cải khác buộc phải đi làm thuê
           3. Phải thực hiện quá trình tích luỹ nguyên thủy
           4. Các phương án trên đều đúng
104. Chủ nghĩa tư bản ra đời khi:
     * + - 1. Sản xuất hàng hoá đã phát triển cao
           2. Phân công lao động đã phát triển cao
           3. Trong xã hội xuất hiện giai cấp bóc lột và bị bóc lột
           4. Tư liệu sản xuất tập trung vào một số ít người còn đa số người bị mất hết tư liệu sản xuất
105. Tư bản là:
     * + - 1. Tiền và máy móc thiết bị
           2. Tiền có khả năng đẻ ra tiền
           3. Giá trị mang lại giá trị thặng dư bằng cách bóc lột lao động làm thuê
           4. Công cụ sản xuất và nguyên vật liệu
106. Tiền tệ là:
     * + - 1. Thước đo giá trị của hàng hoá
           2. Phương tiện để lưu thông hàng hoá và để thanh toán
           3. Là hàng hoá đặc biệt đóng vai trò là vật ngang giá chung
           4. Là vàng, bạc, thẻ tín dụng
107. Chọn các ý sai về lao động và sức lao động:
     * + - 1. Sức lao động chỉ là khả năng, còn lao động là sức lao động đã được tiêu dùng
           2. Sức lao động là hàng hoá, còn lao động không là hàng hoá
           3. Sức lao động có giá trị, còn lao động không có giá trị
           4. Tiền công trả cho lao động chứ không phải trả cho sức lao động
108. Nhân tố nào là cơ bản thúc đẩy CNTB ra đời nhanh chóng:
     * + - 1. Sự tác động của quy luật giá trị
           2. Sự phát triển mạnh mẽ của phương tiện giao thông vận tải nhờ đó mở rộng giao lưu buôn bán quốc tế
           3. Những phát kiến lớn về địa lý
           4. Tích luỹ nguyên thuỷ
109. Tiền tệ có mấy chức năng khi chưa có quan hệ kinh tế quốc tế:
     * + - 1. Hai chức năng
           2. Ba chức năng
           3. Bốn chức năng
           4. Năm chức năng
110. Lao động sản xuất là:
     * + - 1. Hoạt động có mục đích của con người
           2. Sự tác động của con người vào tự nhiên
           3. Các hoạt động vật chất của con người
           4. Sự kết hợp tư liệu sản xuất với sức lao động
111. Giá cả của hàng hoá là:
     * + - 1. Sự thoả thuận giữa người mua và người bán
           2. Sự biểu hiện bằng tiền của giá trị
           3. Số tiền người mua phải trả cho người bán
           4. Giá tiền đã in trên sản phẩm hoặc người bán quy định
112. Tư bản cố định là:
     * + - 1. Bộ phận tư bản biến thành sức lao động không tái hiện ra nhưng thông qua lao động trừu tượng của công nhân làm thuê mà tăng lên, tức là biến đổi về lượng
           2. Bộ phận tư bản biến thành tư liệu sản xuất mà giá trị được bảo toàn và chuyển vào sản phẩm, tức là không thay đổi về lượng giá trị của nó
           3. Bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới dạng máy móc, thiết bị, nhà xưởng,.v.v… về hiện vật tham gia toàn bộ vào quá trình sản xuất, nhưng giá trị của nó bị khấu hao từng phần và được chuyển dần vào sản phẩm mới được sản xuất ra
           4. Bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới dạng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phụ, sức lao động,.v.v… giá trị của nó lưu thông toàn bộ cùng với sản phẩm và được hoàn lại toàn bộ cho các nhà tư bản sau mỗi quá trình sản xuất
113. Tư bản bất biến là:
     * + - 1. Bộ phận tư bản biến thành sức lao động không tái hiện ra nhưng thông qua lao động trừu tượng của công nhân làm thuê mà tăng lên, tức là biến đổi về lượng
           2. Bộ phận tư bản biến thành tư liệu sản xuất mà giá trị được bảo toàn và chuyển vào sản phẩm, tức là không thay đổi về lượng giá trị của nó
           3. Bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới dạng máy móc, thiết bị, nhà xưởng,.v.v… về hiện vật tham gia toàn bộ vào quá trình sản xuất, nhưng giá trị của nó bị khấu hao từng phần và được chuyển dần vào sản phẩm mới được sản xuất ra
           4. Bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới dạng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phụ, sức lao động,.v.v… giá trị của nó lưu thông toàn bộ cùng với sản phẩm và được hoàn lại toàn bộ cho các nhà tư bản sau mỗi quá trình sản xuất
114. Tư bản khả biến là:
     * + - 1. Bộ phận tư bản biến thành sức lao động không tái hiện ra nhưng thông qua lao động trừu tượng của công nhân làm thuê mà tăng lên, tức là biến đổi về lượng
           2. Bộ phận tư bản biến thành tư liệu sản xuất mà giá trị được bảo toàn và chuyển vào sản phẩm, tức là không thay đổi về lượng giá trị của nó
           3. Bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới dạng máy móc, thiết bị, nhà xưởng,.v.v… về hiện vật tham gia toàn bộ vào quá trình sản xuất, nhưng giá trị của nó bị khấu hao từng phần và được chuyển dần vào sản phẩm mới được sản xuất ra
           4. Bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới dạng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phụ, sức lao động,.v.v… giá trị của nó lưu thông toàn bộ cùng với sản phẩm và được hoàn lại toàn bộ cho các nhà tư bản sau mỗi quá trình sản xuất
115. Tư bản bất biến (c) và tư bản khả biến (v) thuộc phạm trù tư bản nào?
     * + - 1. Tư bản tiền tệ
           2. Tư bản sản xuất
           3. Tư bản hàng hoá
           4. Tư bản lưu thông
116. Tư bản cố định và tư bản lưu động thuộc phạm trù tư bản nào?
     * + - 1. Tư bản sản xuất
           2. Tư bản tiền tệ
           3. Tư bản bất biến
           4. Tư bản ứng trước
117. Chọn các ý không đúng về các cặp phạm trù tư bản:
     * + - 1. Chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến để tìm nguồn gốc giá trị thặng dư
           2. Chia tư bản thành tư bản cố định và tư bản lưu động để biết phương thức chuyển giá trị của chúng sang sản phẩm
           3. Tư bản cố định cũng là tư bản bất biến, tư bản lưu động cũng là tư bản khả biến
           4. Các phương án trên đều đúng
118. Mục đích trực tiếp của nền sản xuất TBCN là:
     * + - 1. Sản xuất ra ngày càng nhiều của cải vật chất
           2. Mở rộng phạm vi thống trị của quan hệ sản xuất TBCN
           3. Tạo ra ngày càng nhiều giá trị thặng dư
           4. Làm cho lao động ngày càng lệ thuộc vào tư bản
119. Chọn định nghĩa chính xác về tư bản:
     * + - 1. Tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư
           2. Tư bản là tiền và TLSX của nhà tư bản để tạo ra giá trị thặng dư
           3. Tư bản là giá trị đem lại giá trị thặng dư bằng cách bóc lột lao động làm thuê
           4. Tư bản là tiền đẻ ra tiền
120. Tỷ suất giá trị thặng dư (m') phản ánh điều gì? Chọn ý đúng:
     * + - 1. Trình độ bóc lột của tư bản đối với công nhân làm thuê
           2. Hiệu quả của tư bản
           3. Chỉ cho nhà tư bản biết nơi đầu tư có lợi
           4. Khối lượng giá trị thặng dư
121. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối có điểm nào giống nhau?
     * + - 1. Đều làm cho công nhân tốn sức lao động nhiều hơn
           2. Đều làm tăng tỷ suất giá trị thặng dư
           3. Đều làm giảm giá trị sức lao động của công nhân
           4. Đều thúc đẩy khoa học kỹ thuật phát triển
122. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối là:
     * + - 1. Kéo dài thời gian của ngày lao động, còn thời gian lao động cần thiết không thay đổi
           2. Tiết kiệm chi phí sản xuất
           3. Sử dụng kỹ thuật tiên tiến, cải tiến tổ chức quản lý
           4. Làm cho giá trị cá biệt của hàng hóa thấp hơn giá trị thị trường của nó
123. Từ định nghĩa phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối hãy xác định phương án đúng dưới đây:
     * + - 1. Độ dài ngày lao động bằng ngày tự nhiên
           2. Độ dài ngày lao động lớn hơn không
           3. Độ dài ngày lao động bằng thời gian lao động cần thiết
           4. Độ dài ngày lao động lớn hơn thời gian lao động cần thiết
124. Khi xem xét phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối, những ý nào dưới đây không đúng?
     * + - 1. Giá trị sức lao động không đổi
           2. Thời gian lao động cần thiết thay đổi
           3. Ngày lao động thay đổi
           4. Thời gian lao động thặng dư thay đổi
125. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối có những hạn chế. Chọn ý đúng trong các nhận xét dưới đây:
     * + - 1. Gặp phải sự phản kháng quyết liệt của công nhân
           2. Năng suất lao động không thay đổi
           3. Không thoả mãn khát vọng giá trị thặng dư của nhà tư bản
           4. Các phương án trên đều đúng
126. Vai trò của máy móc trong quá trình tạo ra giá trị thặng dư, chọn ý đúng:
     * + - 1. Máy móc là nguồn gốc của giá trị thặng dư
           2. Máy móc là tiền đề vật chất cho việc tạo ra giá trị thặng dư
           3. Máy móc và sức lao động đều tạo ra giá trị thặng dư
           4. Máy móc là yếu tố quyết định để tạo ra giá trị thặng dư
127. Giá trị thặng dư là gì?
     * + - 1. Lợi nhuận thu được của người sản xuất kinh doanh
           2. Giá trị của tư bản tự tăng lên.
           3. Phần giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người công nhân làm thuê tạo ra.
           4. Hiệu số giữa giá trị hàng hoá với chi phí sản xuất TBCN
128. Tiền công thực tế là gì?
     * + - 1. Là tổng số tiền nhận được thực tế trong 1 tháng.
           2. Là số tiền trong sổ lương + tiền thưởng + các nguồn thu nhập khác
           3. Là số lượng hàng hoá và dịch vụ mua được bằng tiền công danh nghĩa.
           4. Là giá cả của sức lao động.
129. Tiền công tính theo thời gian và tiền công tính theo sản phẩm có quan hệ với nhau thế nào?
     * + - 1. Không có quan hệ gì
           2. Hai hình thức tiền công áp dụng cho các loại công việc có đặc điểm khác nhau.
           3. Trả công theo sản phẩm dễ quản lý hơn trả công theo thời gian.
           4. Tiền công tính theo sản phẩm là hình thức chuyển hoá của tiền công tính theo thời gian.
130. Những ý kiến nào dưới đây là sai?
     * + - 1. Tích luỹ tư bản là biến một phần giá trị thặng dư thành tư bản.
           2. Nguồn gốc của tích luỹ tư bản là giá trị thặng dư.
           3. Động cơ của tích lỹ tư bản cũng là giá trị thặng dư
           4. Tích luỹ tư bản là sự tiết kiệm tư bản
131. Quy mô tích luỹ tư bản không phụ thuộc các nhân tố nào?
     * + - 1. Khối lượng giá trị thặng dư
           2. Tỷ lệ phân chia khối lượng giá trị thặng dư thành 2 phần là thu nhập và tích luỹ.
           3. Các yếu tố ảnh hưởng đến khối lượng giá trị thặng dư
           4. Lượng giá trị của hàng hóa
132. Quy luật chung của tích luỹ tư bản là gì? ý nào sau đây không đúng:
     * + - 1. Giai cấp tư sản ngày càng giàu có, mâu thuẫn trong CNTB tăng lên.
           2. Cấu tạo hữu cơ của tư bản tăng lên
           3. Tích tụ và tập trung tư bản tăng lên
           4. Quá trình bần cùng hoá giai cấp vô sản.
133. Tích tụ và tập trung tư bản giống nhau ở:
     * + - 1. Có nguồn gốc trực tiếp giống nhau.
           2. Có vai trò quan trọng như nhau
           3. Đều làm tăng quy mô tư bản cá biệt
           4. Đều là tăng quy mô tư bản xã hội
134. Dựa vào căn cứ nào để chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến.
     * + - 1. Tốc độ chu chuyển của tư bản
           2. Vai trò các bộ phận tư bản trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư
           3. Phương thức chuyển giá trị các bộ phận tư bản sang sản phẩm
           4. Hao mòn hữu hình hoặc vô hình
135. Dựa vào căn cứ nào để chia tư bản ra thành tư bản cố định và tư bản lưu động.
     * + - 1. Tốc độ chu chuyển chung của tư bản
           2. Phương thức chuyển giá trị của các bộ phận tư bản sang sản phẩm
           3. Vai trò các bộ phận tư bản trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư
           4. Sự thay đổi về lượng trong quá trình sản xuất
136. Chu kỳ khủng hoảng kinh tế có mấy giai đoạn?
     * + - 1. Hai giai đoạn
           2. Ba giai đoạn
           3. Bốn giai đoạn
           4. Năm giai đoạn
137. Lợi nhuận có nguồn gốc từ:
     * + - 1. Lao động phức tạp
           2. Lao động quá khứ
           3. Lao động cụ thể
           4. Lao động không được trả công
138. Phương thức sản xuất TBCN có những giai đoạn nào?
     * + - 1. CNTB tự do cạnh tranh và CNTB độc quyền
           2. CNTB hiện đại và CNTB độc quyền
           3. CNTB hiện đại và CNTB tự do cạnh tranh
           4. CNTB ngày nay và CNTB độc quyền
139. Kết luận sau đây là của ai? "Tự do cạnh tranh đẻ ra tập trung sản xuất và sự tập trung sản xuất này khi phát triển đến mức độ nhất định, lại dẫn tới độc quyền"
     * + - 1. C.Mác
           2. Ph. Ăng ghen
           3. Lênin
           4. Cả C.Mác và Ph. Ăng ghen
140. Sự hình thành các tổ chức độc quyền dựa trên cơ sở:
     * + - 1. Sản xuất nhỏ phân tán
           2. Tích tụ tập trung sản xuất và sự ra đời của các xí nghiệp quy mô lớn
           3. Sự xuất hiện các thành tựu mới của khoa học
           4. Sự hoàn thiện QHSX – TBCN
141. Sự ra đời của tư bản tài chính là kết quả của sự phát triển:
     * + - 1. Độc quyền ngân hàng
           2. Sự phát triển của thị trường tài chính
           3. Độc quyền công nghiệp
           4. Quá trình xâm nhập liên kết của tư bản độc quyền ngân hàng với tư bản độc quyền công nghiệp
142. Xuất khẩu hàng hoá là đặc điểm của:
     * + - 1. Sản xuất hàng hoá giản đơn
           2. CNTB
           3. CNTB tự do cạnh tranh
           4. CNTB độc quyền
143. Xuất khẩu tư bản là đặc điểm của:
     * + - 1. Các nước giàu có
           2. CNTB
           3. CNTB độc quyền
           4. CNTB tự do cạnh tranh
144. Mục đích của xuất khẩu tư bản là:
     * + - 1. Để giải quyết nguồn tư bản "thừa" trong nước
           2. Chiếm đoạt giá trị thặng dư và các nguồn lợi khác ở nước nhập khẩu tư bản
           3. Thực hiện giá trị và chiếm các nguồn lợi khác của nước nhập khẩu tư bản
           4. Giúp đỡ các nước nhập khẩu tư bản phát triển.
145. Vì sao trong CNTB độc quyền cạnh tranh không bị thủ tiêu?
     * + - 1. Vì các tổ chức độc quyền cạnh tranh với nhau
           2. Vì tổ chức độc quyền cạnh tranh với các công ty ngoài độc quyền
           3. Vì các xí nghiệp trong nội bộ tổ chức độc quyền cạnh tranh với nhau
           4. Vì cạnh tranh là quy luật khách quan của kinh tế hàng hoá
146. Khi CNTB độc quyền ra đời sẽ:
     * + - 1. Phủ định các quy luật trong giai đoạn CNTB tự do cạnh tranh
           2. Phủ định các quy luật kinh tế của sản xuất hàng hoá
           3. Làm cho các quy luật kinh tế của sản xuất hàng hoá và của CNTB có hình thức biểu hiện mới
           4. Không làm thay đổi các quy luật kinh tế nói chung.
147. Các tổ chức độc quyền sử dụng giá cả độc quyền để:
     * + - 1. Chiếm đoạt giá trị thặng dư của người khác
           2. Khống chế thị trường
           3. Gây thiệt hại cho các đối thủ cạnh tranh
           4. Củng cố vai trò tổ chức độc quyền
148. Trong giai đoạn CNTB độc quyền quy luật giá trị có biểu hiện mới, thành:
     * + - 1. Quy luật giá cả sản xuất
           2. Quy luật giá cả độc quyền
           3. Quy luật lợi nhuận độc quyền
           4. Quy luật lợi nhuận bình quân
149. Trong giai đoạn CNTB tự do cạnh tranh, quy luật giá trị có hình thức biểu hiện là gì?
     * + - 1. Quy luật giá cả thị trường
           2. Quy luật giá cả độc quyền
           3. Quy luật lợi nhuận bình quân
           4. Quy luật giá cả sản xuất

Phần 3: Chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Hình thức đầu tiên của đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân khi chưa giành được chính quyền?
2. Đấu tranh chính trị
3. Đấu tranh vũ trang
4. Đấu tranh kinh tế
5. Đấu tranh tư tưởng
6. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa là gì?
7. Là hệ thống những quan niệm phản ánh nhu cầu, ước mơ của các giai cấp và tầng lớp lao động về một xã hội tốt đẹp
8. Là những thành tựu trên các lĩnh vực mà loài người đã đạt được nhằm nâng cao đời sống con người
9. Là những tác phẩm văn học phản ánh đời sống hiện thực của những người lao động nghèo
10. Các phương án trên đều đúng
11. Các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác có hạn chế cơ bản gì?
12. Không chủ trương xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất
13. Không chủ trương xóa bỏ chế độ người bóc lột người
14. Không phát hiện được lực lượng xã hội để sáng tạo ra xã hội mới
15. Mong muốn thực hiện chế độ bình quân trong phân phối
16. Mốc đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học là từ tác phẩm nào?
17. Tình cảnh giai cấp công nhân Anh
18. Tuyên ngôn Đảng cộng sản
19. Chủ nghĩa cộng sản
20. Chống Đuyrinh

1. Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời từ điều kiện kinh tế - xã hội nào?
2. Sự ra đời chính đảng của giai cấp công nhân
3. Sự phát triển mạnh của phương thức sản xuất tư bản và sự lớn mạnh của giai cấp công nhân
4. Sự ủng hộ của giai cấp công nhân và tầng lớp trí thức đối với giai cấp công nhân
5. Giai cấp công nhân đã thực sự giác ngộ sứ mệnh lịch sử của mình
6. Ai được là người mở đầu các trào lưu xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa cộng sản thời cận đại?
7. Tômanđô Campanenla
8. Tômát Morơ
9. Aritxtot
10. Platon
11. Nội dung cơ bản nhất mà nhờ đó chủ nghĩa xã hội không tưởng trở thành chủ nghĩa xã hội khoa học?
12. Lên án mạnh mẽ chủ nghĩa tư bản
13. Phản ánh đúng khát vọng của nhân dân lao động bị áp bức
14. Phát hiện ra giai cấp công nhân là lực lượng xã hội có thể thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội
15. Chỉ ra sự cân thiết phải thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội
16. Ănghen đã đánh giá: “Hai phát hiện vĩ đại này đã đưa chủ nghĩa xã hội trở thành một khoa học”. Hai phát kiến đó là gì?
17. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử
18. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và học thuyết giá trị thặng dư
19. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và chủ nghĩa duy vật lịch sử
20. Học thuyết giá trị thặng dư và chủ nghĩa duy vật lịch sử
21. Trong học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin đã làm sáng tỏ vai trò lịch sử toàn thế giới của giai cấp nào?
22. Giai cấp tư sản
23. Giai cấp công nhân
24. Giai cấp nông dân
25. Tầng lớp trí thức
26. Chọn câu trả lời đúng.Tình hình thế giới đầu thế kỷ XX là:
27. Chủ nghĩa tư bản chuyển thành chủ nghĩa đế quốc
28. Chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn tự do cạnh tranh
29. Chủ nghĩa tư bản ở giai đọan tích lũy tư bản nguyên thủy
30. Chủ nghĩa cộng sản ra đời
31. Cơ cấu xã hội của xã hội tư bản chủ nghĩa được đặc trưng bởi 2 giai cấp cơ bản đối lập nhau về lợi ích là:
32. Giai cấp tư sản và giai cấp nông dân.
33. Giai cấp tư sản tầng lớp trí thức.
34. Giai cấp tư sản và giai cấp vô sản
35. Giai cấp vô sản và chủ nô
36. Chủ nghĩa Mác - Lênin là vũ khí tư tưởng để nhận thức và cải tạo thế giới của giai cấp nào?
37. Giai cấp tư sản
38. Giai cấp nông dân
39. Giai cấp công nhân
40. Giai cấp tiểu thương
41. Theo chủ nghĩa Mác – Lênin, động lực chủ yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa là?
42. Tầng lớp trí thức
43. Giai cấp công nhân
44. Giai cấp nông dân
45. Giai cấp công nhân liên minh giai cấp nông dân
46. Nguyên tắc cơ bản trong xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng xã hội chủ nghĩa?
47. Phải đảm bảo vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân
48. Đảm bảo nguyên tắc tự nguyện
49. Kết hợp đúng đắn về mặt lợi ích
50. Các phương án trên đều đúng
51. Đặc điểm nổi bật nhất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là gì? Chọn câu trả lời đúng.
52. Tồn tại một nền kinh tế nhiều thành phần trong một hệ thống kinh tế quốc dân thống nhất.
53. Kết cấu giai cấp trong xã hội đa dạng và phức tạp.
54. Tồn tại nhiều yếu tố văn hóa và tư tưởng khác nhau.
55. Tồn tại những yếu tố của xã hội cũ bên cạnh những nhân tố mới của chủ nghĩa xã hội trong mối quan hệ vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau trên tất cả các lĩnh vực.
56. Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những quy luật chuyển biến xã hội từ:
57. Tư bản chủ nghĩa sang chủ nghĩa xã hội
58. Chế độ phong kiến sang tư bản chủ nghĩa
59. Chiếm hữu nô lệ sang chế độ phong kiến
60. Phong kiến sang tư bản chủ nghĩa
61. Giai cấp công nhân thông qua con đường nào để giải phóng mình và giải phóng nhân dân lao động?
62. Biểu tình
63. Đấu tranh nghị viện
64. Cách mạng xã hội chủ nghĩa
65. Bãi công
66. Nguyên nhân sâu xa của cách mạng xã hội chủ nghĩa là gì?
67. Do ý muốn chủ quan của giai cấp công nhân
68. Do mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
69. Do sự bóc lột của giai cấp tư sản
70. Do sự kích động của các thế lực thù địch
71. Cách mạng xã hội chủ nghĩa do giai cấp nào lãnh đạo?
72. Giai cấp chủ nô
73. Giai cáp tư sản
74. Giai cấp nông dân
75. Giai cấp công nhân
76. Cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới giành được thắng lợi là cuộc cách mạng nào?
77. Công xã Pari 1871
78. Cách mạng tháng Hai Nga năm 1917
79. Cách mạng Tân Hợi 1911
80. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917
81. Phân phối theo lao động là hình thức phân phối cơ bản của xã hội nào?
82. Xã hội tư bản chủ nghĩa
83. Xã hội xã hội chủ nghĩa
84. Xã hội cộng sản chủ nghĩa
85. Các phương án trên đều sai
86. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô được tiến hành từ năm nào?
87. 1985
88. 1986
89. 1987
90. 1988
91. Giai cấp nào lãnh cuộc cách mạng thời kỳ cận đại chống phong kiến?
92. Giai cấp vô sản
93. Giai cấp nông dân
94. Giai cấp tư sản
95. Giai cấp địa chủ phong kiến
96. Thời kỳ phục hưng giai cấp tư sản có vị trí như thế nào đối với sự phát triển của xã hội?
97. Là giai cấp tiến bộ, cách mạng
98. Là giai cấp thống trị xã hội
99. Là giai cấp bảo thủ lạc hậu
100. Là giai cấp không mang lợi ích gì
101. Sự ra đời của chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa được thiết lập cho:
102. Giai cấp tư sản
103. Giai cấp công nhân
104. Giai cấp công nhân và đa số nhân dân lao động
105. Giai cấp tiểu tư sản
106. Theo các nhà nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học, quan niệm thời đại ngày nay là:
107. Quá độ lên chủ nghĩa tư bản từ chế độ phong kiến
108. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ chế độ phong kiến
109. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ chế độ tư bản chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới mở đầu là cuộc cách mạng tháng Mười Nga
110. Chủ nghĩa xã hội
111. Chọn đáp án đúng. Chủ nghĩa xã hội khoa học Mác – lênin :
112. Là một học thuyết vạch ra được con đường giải phóng triệt để cho nhân loại cần lao, giải phóng triệt để con người
113. Xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa lý tưởng
114. Đặt mục tiêu giải phóng triệt để giai cấp vô sản, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới
115. Các phương án trên đều đúng
116. Chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội ra đời trên thực tế từ :
117. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam
118. Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917
119. Cách mạng Tân Hợi năm 1911 ở Trung Quốc
120. Cách mạng tư sản Pháp
121. Nguyên nhân nào dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu?
122. Quan niệm và vận dụng không đúng đắn về chủ nghĩa xã hội
123. Những sai lầm của Đảng và của những người lãnh đạo cấp cao nhất Đảng cộng sản Liên Xô
124. Sự chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch bằng “diễn biến hòa bình”
125. Các phương án trên đều đúng
126. Lênin chia phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa thành mấy giai đoạn ?
127. Hai giai đoạn chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản
128. Ba giai đoạn: Thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội và giai đoạn cao của hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa
129. Bốn giai đoạn: Thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội phát triển cao và cộng sản chủ nghĩa
130. Tất cả các câu đều sai
131. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là gì? Chọn câu trả lời đúng nhất.
132. Xây dựng và phát triển xã hội
133. Lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ áp bức, bóc lột, xây dựng xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa
134. Tập hợp các tầng lớp nhân dân lao động, tiến hành đấu tranh cách mạng
135. Đoàn kết với các giai cấp, tầng lớp lao động khác trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản để giải phóng mình
136. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được qui định bởi?
137. Địa vị kinh tế - xã hội
138. Đảng cộng sản
139. Đặc điểm nhân cách
140. Yếu tố chủ quan
141. Nhà nước ra đời là do :
142. Cuộc đấu tranh giai cấp không điều hòa
143. Nhu cầu của việc chống giặc ngoại xâm
144. Nhu cầu của việc phát triển trồng trọt và chăn nuôi
145. Các phương án trên đều đúng
146. Đến một giai đoạn mà xã hội không còn giai cấp, không còn đấu tranh giai cấp thì:
147. Nhà nước vẫn còn tồn tại
148. Nhà nước tự tiêu vong
149. Nhà nước phát triển
150. Nhà nước phồn thịnh
151. Nhà nước là :
152. Tổ chức chính trị của giai cấp thống trị về kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác
153. Tổ chức chính trị đứng trên các giai cấp nhằm bảo vệ tất cả các giai cấp
154. Tổ chức chính trị của giai cấp thống trị về kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và bảo vệ lợi ích của tất cả các giai cấp khác

d. Các phương án trên đều sai

1. Khi xã hội loài người xuất hiện thì:
2. Đã có giai cấp
3. Chưa có giai cấp
4. Giai cấp chưa phát triển
5. Không phải bao giờ cũng tồn tại các giai cấp. Giai cấp chỉ xuất hiện khi xã hội phát triển đến một trình độ nhất định.
6. Trong cơ cấu giai cấp - xã hội ở nước ta hiện nay có :
7. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp tư sản
8. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, tầng lớp tư sản, tiểu tư sản và các tầng lớp nhân dân lao động khác
9. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.
10. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và tăng lữ.
11. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, mâu thuẫn về lợi ích giữa những người lao động làm thuê với tầng lớp tư sản là :
12. Mâu thuẫn đối kháng
13. Mâu thuẫn không đối kháng
14. Mâu thuẫn không cơ bản
15. Mâu thuẫn thứ yếu
16. Chọn đáp án đúng. Loài người đã trải qua các hình thức cộng đồng từ thấp đến cao nào?
17. Thị tộc, bộ lạc, bộ tộc và dân tộc
18. Thị tộc, bộ tộc, bộ lạc và dân tộc
19. Bộ tộc, thị tộc, bộ lạc và dân tộc
20. Quan hệ đơn phương
21. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ?
22. Bắt đầu từ khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền nhà nước cho đến khi chủ nghĩa xã hội đã tạo ra được những cơ sở của mình trong các lĩnh vực của đời sống xã hội
23. Bắt đầu từ cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới
24. Bắt đầu từ đấu tranh giai cấp
25. Bắt đầu từ sản xuất hàng hóa
26. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bước quá độ :
27. Quá độ trực tiếp, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.
28. Quá độ gián tiếp, bỏ qua chế độ chủ nghĩa tư bản tiến lên chủ nghĩa xã hội
29. Quá độ gián tiếp, bỏ qua chế độ phong kiến tiến lên chủ nghĩa xã hội
30. Quá độ có qua trung gian
31. Hiện nay, nước ta đang đứng trước những khó khăn và thách thức nào?
32. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế và nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa
33. Nạn tham nhũng và tệ quan liêu và diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch
34. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế và nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa, nạn tham nhũng và tệ quan liêu và diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch
35. Nạn tham nhũng và tệ quan liêu và diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch, nguy cơ chiến tranh xâm lược của các nước nên ngoài
36. Chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa là chế độ:
37. Cho tuyệt đại đa số nhân dân lao động
38. Của giai cấp tư sản.
39. Của giai cấp công nhân
40. Của tiểu tư sản
41. Trí thức là một bộ phận xã hội đặc biệt quan trọng, họ tồn tại với tư cách là:
42. Giai cấp
43. Tầng lớp
44. Cộng đồng xã hội
45. Nhóm
46. Chức năng cơ bản của nhà nước là:
47. Chức năng kinh tế
48. Chức năng văn hoá và tư tưởng
49. Chức năng đối nội, chức năng đối ngoại
50. Chức năng chính trị
51. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền mang bản chất:
52. Giai cấp nông dân, tính nhân dân và tính dân tộc
53. Giai cấp tư sản, tính nhân dân và tính dân tộc
54. Giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc
55. Tính nhân dân rộng rãi
56. Giai cấp công nhân là người lao động gắn với nền sản xuất:
57. Nông nghiệp
58. Thủ công nghiệp
59. Nền công nghiệp hiện đại
60. Đại nông nghiệp
61. Kiểu nhà nước nào sau đây được Lênin gọi là nhà nước “ Nửa nhà nước”?
62. Nhà nước Chủ nô
63. Nhà nước tư sản
64. Nhà nước phong kiến
65. Nhà nước xã hội chủ nghĩa
66. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước ta bắt đầu từ khi nào?
67. 1945
68. 1954
69. 1975
70. 1930
71. Nguyên tắc cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc?
72. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng
73. Các dân tộc được quyền tự quyết
74. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc
75. Các phương án trên đều đúng
76. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là tất yếu đối với:
77. Các nước bỏ qua chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội
78. Các nước tư bản chủ nghĩa kém phát triển lên chủ nghĩa xã hội
79. Tất cả các nước đi lên chủ nghĩa xã hội
80. Các phương án trên đều sai
81. Thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là gì?
82. Là cuộc cải biến cách mạng về kinh tế
83. Là cuộc cải biến cách mạng về chính trị
84. Là cuộc cải biến cách mạng về tư tưởng và văn hóa
85. Các phương án trên đều đúng
86. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta hiện nay cần:
87. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
88. Dân chủ hoá tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước
89. Xây dựng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh
90. Các phương án trên đều đúng
91. Hiểu vấn đề “bỏ qua” chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta như thế nào là đúng:
92. Là sự “phát triển rút ngắn” và “bỏ qua” việc xác lập địa vị thống trị của quan hệ sản xuất và Kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa
93. Là “bỏ qua” sự phát triển của lực lượng sản xuất
94. Là sự phát triển tuần tự
95. Các phương án trên đều đúng
96. Tại sao nói quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam?
97. Đảng cộng sản Việt Nam có đường lối đúng đắn
98. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất
99. Vì nó phù hợp với đặc điểm đất nước và xu thế phát triển của thời đại
100. Vì nó đáp ứng được nguyện vọng và mong ước của nhân dân ta
101. Yếu tố nào vừa là mục tiêu vừa là động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa?
102. Con người
103. Mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế
104. Khoa học công nghệ
105. Hiệu quả kinh tế - xã hội
106. Tác phẩm nào được xem là đánh dấu cho sự chín muồi của tư tưởng xã hội chủ nghĩa của C. Mác và Ăng-ghen?
107. Gia đình thần thánh (1845)
108. Hệ tư tưởng Đức (1845)
109. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản (1848)
110. Không có phương án nào đúng
111. Hạt nhân cơ bản trong quần chúng nhân dân là?
112. Những người lao động sản xuất ra của cải vật chất
113. Những bộ phận dân cư chống lại giai cấp thống trị áp bức bóc lột, đối kháng với nhân dân
114. Những tầng lớp xã hội khác nhau thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội
115. Những người sản xuất hàng hóa
116. Chủ thể của lịch sử, lực lượng sáng tạo ra lịch sử là :
117. Vĩ nhân, lãnh tụ
118. Tầng lớp trí thức
119. Quần chúng nhân dân
120. Mọi người
121. Điền từ còn thiếu vào câu: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người…….”
122. Chủ nghĩa cộng sản
123. Chủ nghĩa xã hội
124. Xã hội chủ nghĩa
125. Chủ nghĩa xã hội khoa học
126. Điền từ còn thiếu: “Các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn........lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp”.
127. Giai cấp địa chủ
128. Giai cấp vô sản
129. Giai cấp tư sản
130. Giai cấp tiểu tư sản
131. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân có đặc trưng chủ yếu nhất bằng thuộc tính nào sau đây?
132. Là những người lao động trực tiếp hoặc gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hóa cao
133. Là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất
134. Là những người bị bóc lột giá trị thặng dư
135. Là những người có sức khỏe tốt nhất
136. Cách mạng xã hội chủ nghĩa do giai cấp, tầng lớp nào lãnh đạo?
137. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân
138. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức
139. Giai cấp công nhân
140. Giai cấp công nhân, giai cấp tư sản, giai cấp nông dân
141. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa cần phải kế thừa yếu tố nào của chủ nghĩa tư bản?
142. Những thành tựu khoa học – công nghệ.
143. Khoa học quản lý…buôn bán, hạch toán kinh tế, kinh doanh của của chủ nghĩa tư bản
144. Thị trường, vốn…
145. Các phương án trên đều đúng
146. Điền từ vào chỗ trống: Nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính …………sâu sắc
147. Giai cấp
148. Nhân đạo
149. Dân tộc
150. Cộng đồng
151. Cơ sở tồn tại của tôn giáo là gì?
152. Nhận thức của con người đối với thế giới khách quan còn hạn chế
153. Niềm tin của con người
154. Sự tưởng tượng của con người
155. Tồn tại xã hội
156. Để phát huy nguồn lực con người ở Việt Nam hiện nay cần phải thực hiện những phương hướng nào?
157. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế đất nước
158. Xây dựng và từng bước hoàn chỉnh một hệ thống chính sách xã hội phù hợp.
159. Từng bước xây dựng và không ngừng hoàn thiện cơ chế quản lý của chế độ xã hội chủ nghĩa
160. Các phương án trên đều đúng
161. Yếu tố nào có tác động trực tiếp để phát huy nguồn lực con người?
162. Phát triển kinh tế - xã hội
163. Giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin
164. Giáo dục về đạo đức, lối sống
165. Giải quyết việc làm
166. Phạm trù nào được coi là cơ bản nhất, là xuất phát điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học ?
167. Giai cấp công nhân
168. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
169. Chuyên chính vô sản
170. Xã hội chủ nghĩa
171. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thuộc tính nào nói lên đặc trưng chủ yếu nhất của giai cấp công nhân?
172. Là những người lao động trực tiếp hoặc gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hóa cao
173. Là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất
174. Là những người bị bóc lột giá trị thặng dư
175. Các phương án trên đều đúng
176. Tôn giáo hình thành là do:
177. Sự yếu kém của trình độ phát triển lực lượng sản xuất, sự bần cùng về kinh tế, áp bức về chính trị, bất lực trước những bất công xã hội
178. Nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và bản thân mình còn hạn chế
179. Sự sợ hãi của con người trước những sức mạnh của tự nhiên và xã hội tạo cho con người một “tâm thế khuất phục”
180. Các phương án trên đều đúng
181. Chủ nghĩa Mác – Lênin và hệ tư tưởng tôn giáo khác nhau ở điểm nào?
182. Khác nhau về thế giới quan
183. Khác nhau về nhân sinh quan
184. Khác nhau ở con đường mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân
185. Các phương án trên đều đúng
186. So với các nền dân chủ trước đây, dân chủ xã hội chủ nghĩa có điểm khác biệt cơ bản nào?
187. Không còn mang tính giai cấp
188. Là nền dân chủ phi lịch sử
189. Là nền dân chủ tuyệt đối
190. Là nền dân chủ rộng rãi cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động
191. Bản chất chính trị của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thể hiện như thế nào?
192. Là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đảng của nó đối với toàn xã hội, để thực hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể nhân dân lao động, trong đó có giai cấp công nhân.
193. Là thực hiện quyền lực của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đối với toàn xã hội.
194. Là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó để cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới.
195. Các phương án trên đều đúng
196. Chủ nghĩa Mác- Lênin là lý luận phản ánh và bảo vệ lợi ích cho giai cấp nào?
197. Giai cấp địa chủ
198. Giai cấp tư sản
199. Giai cấp công nhân
200. Giai cấp chủ nô
201. Giai cấp nào không có hệ tư tưởng độc lập?
202. Giai cấp tư sản
203. Giai cấp địa chủ
204. Giai cấp công nhân
205. Giai cấp nông dân
206. Giai cấp công nhân thông qua con đường nào để giải phóng mình và giải phóng nhân dân lao động?
207. Biểu tình
208. Đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ
209. Cách mạng xã hội chủ nghĩa
210. Bãi công
211. Cách mạng tư sản do giai cấp nào lãnh đạo?
212. Giai cấp chủ nô
213. Giai cấp tư sản
214. Giai cấp nông dân
215. Giai cấp công nhân
216. Phân phối theo lao động là hình thức phân phối cơ bản của xã hội nào?
217. Xã hội tư bản chủ nghĩa
218. Xã hội xã hội chủ nghĩa
219. Xã hội cộng sản chủ nghĩa
220. Các phươnh án trên đều đúng
221. Hệ thống xã hội chủ nghĩa được hình thành trong giai đoạn nào?
222. Từ sau 1945 - đầu những năm 70
223. Từ cuối những năm 70 - cuối những năm 80
224. Từ 1917 – 1945
225. Từ trước 1945 - đầu những năm 80
226. Tại sao nói cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng toàn diện, sâu sắc và triệt để nhất trong lịch sử?
227. Vì nó do giai cấp công nhân lãnh đạo
228. Vì nó thủ tiêu chủ nghĩa tư bản
229. Vì nó lôi kéo được đông đảo nhân dân tham gia
230. Vì nó xoả bỏ chế độ tư hữu, thủ tiêu chế độ người bóc lột người
231. Sự thay thế xã hội tư bản chủ nghĩa bằng xã hội xã hội chủ nghĩa trong tiến trình lịch sử là một tất yếu vì:
232. Chủ nghĩa tư bản đã lỗi thời
233. Chủ nghĩa tư bản cản trở sự phát triển của nhân loại
234. Theo quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
235. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân
236. “Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ Xô Viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”. Luận điểm trên được Lênin đưa ra vào thời kỳ nào?
237. Trước cách mạng dân chủ tư sản Tháng Hai năm 1917
238. Trước cách mạng Tháng Mười Nga
239. Sau cách mạng Tháng Mười Nga
240. Các phương án trên đều sai
241. Theo Lênin, có mấy hình thức quá độ lên chủ nghĩa xã hội?
242. 2
243. 3
244. 4
245. 5
246. Thời đại ngày nay có những mâu thuẫn cơ bản nào?
247. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội
248. Mâu thuẫn giữa tư bản và lao động
249. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản với các nước nghèo chậm phát triển mới giành được độc lập và Mâu thuẫn giữa các nước tư bản đế quốc với nhau
250. Các phương án trên đều đúng
251. Đặc điểm cơ bản nhất của nước ta khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là gì?
252. Từ một nền sản xuất nhỏ là phổ biến quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản chủ nghĩa
253. Tồn tại nhiều phong tục, tập quán lạc hậu
254. Nhân dân có truyền thống lao động cần cù, sáng tạo
255. Các thế lực thù địch thường xuyên chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta
256. Trong các dự báo sau đây, dự báo nào thuộc về giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa?
257. Đến giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa loài người vẫn chưa thể hoàn toàn thoát khỏi những tàn tích của cộng sản chủ nghĩa
258. Dân tộc vẫn còn nhưng không còn phụ thuộc vào vấn đề giai cấp, không còn là một bộ phận của vấn đề giai cấp nữa.
259. Vẫn còn các giai cấp, trong đó giai cấp vô sản là giai cấp thống trị xã hội
260. Đến giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa thì xã hội đã phát triển trên cơ sở của chính nó, nhưng vẫn còn pháp quyền tư sản.
261. Vì sao cần xác lập chuyên chính vô sản trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội? Chọn đáp án sai.
262. Để trấn áp bằng bạo lực mưu toan phục hồi chính quyền tư sản của các giai cấp bóc lột.
263. Để thực hiện sự lãnh đạo chính trị đối với các giai cấp và tầng lớp trung gian không thể tự mình tiến lên chủ nghĩa xã hội được.
264. Để tổ chức xây dựng những quan hệ kinh tế, xã hội mang tính xã hội chủ nghĩa. Những quan hệ này không tự phát ra đời trong lòng chủ nghĩa tư bản.
265. Để thủ tiêu hoàn toàn các tập quán và tàn tích của chủ nghĩa tư bản.
266. Cách mạng tư tưởng – văn hoá là một quy luật của cách mạng… Chọn cụm từ phù hợp điền vào chổ trống.
267. Giải phóng dân tộc
268. Dân tộc dân chủ
269. Xã hội chủ nghĩa
270. Khoa học kỹ thuật
271. Quan điểm của Lênin về chủ chương, biện pháp lớn cần thực hiện trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước Nga nói riêng và các nước chậm phát triển nói chung. Chọn đáp án sai.
272. Cần duy trì sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế
273. Phải tiến hành cuộc cách mạng văn hoá
274. Cần duy trì sự tồn tại của kinh tế hàng hoá
275. Buộc nông dân vào làm ăn tập thể để tiến lên chủ nghĩa xã hội
276. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được quy định một cách khách quan bởi địa vị kinh tế – xã hội của họ. Phát hiện câu trả lời sai.
277. Giai cấp công nhân là sản phẩm của nền đại công nghiệp, là lực lượng sản xuất cơ bản, tiên tiến nhất, đại biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến.
278. Cùng với sự phát triển của nền đại công nghiệp, giai cấp công nhân ngày càng phát triển về số lượng và chất lượng.
279. Giai cấp có đảng cộng sản là đội tiên phong, đại biểu tập trung cho trí tuệ và lợi ích của toàn thể giai cấp.
280. Giai cấp công nhân có lợi ích căn bản đối lập với giai cấp tư sản.
281. Mối quan hệ giữa giai cấp công nhân và Đảng cộng sản được thể hiện qua các nội dung sau. Phát hiện câu sai.
282. Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội giai cấp của Đảng cộng sản.
283. Đảng cộng sản là đội tiên phong chiến đấu, là bộ tham mưu của giai cấp công nhân.
284. Đảng cộng sản ra đời là sự kết hợp phong trào công nhân với phong trào nông dân
285. Đảng cộng sản là biểu hiện tập trung lợi ích, nguyện vọng, phẩm chất, trí tuệ của giai cấp công nhân.
286. Ai là người đặt ra vấn đề sử dụng và học tập kinh nghiệm tổ chức, quản lý kinh tế của CNTB để cải tạo nền kinh tế tiểu nông, lạc hậu?
287. C. Mác
288. Ănghen
289. Lênin
290. Stalin
291. Có mấy đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa đang được xây dựng tại Việt Nam?
292. 4
293. 5
294. 6
295. 7
296. Vì sao giai cấp công nhân Việt Nam sớm trở thành lực lượng chính trị độc lập và giữa vai trò lãnh đạo mạng Việt Nam?
297. Vì sớm có mối quan hệ gắn bó với giai cấp nông dân
298. Vì được kế thừa truyền thống bất khuất của dân tộc
299. Số lượng đông và luôn đi đầu trong các cuộc đấu tranh
300. Vì sớm hình thành một chính Đảng thực sự cách mạng
301. Yếu tố nào quyết định sự liên minh giữa giai cấp công nhân, nông dân và trí thức?
302. Do cùng sống trong một quốc gia dân tộc
303. Do có những lợi ích căn bản thống nhất với nhau
304. Do có chung nền văn hóa, tâm lý
305. Do giai cấp công nhân mong muốn
306. Ở các nước tư bản, giai cấp công nhân có đặc điểm gì?
307. Về cơ bản không có tư liệu sản xuất, phải làm thuê cho giai cấp tư sản và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư
308. Về cơ bản có tư liệu sản xuất
309. Làm thuê cho giai cấp tư sản
310. Các phương án trên đều sai
311. Những biểu hiện cơ bản của tư tưởng xã hội chủ nghĩa là gì?
312. Là ước mơ, nguyện vọng về một xã hội ai cũng có việc làm, ai cũng có lao động
313. Là quan niệm về một chế độ xã hội mà tư liệu sản xuất đều thuộc về mọi thành viên của xã hội
314. Là những tư tưởng về một xã hội, trong đó mọi người đều bình đẳng, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc
315. Các phương án trên đều đúng
316. Dựa trên phát kiến vĩ đại nào mà Mác và Ănghen luận giải một cách khoa học sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?
317. Học thuyết tiến hóa của DarWin
318. Chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư
319. Kinh tế chính trị cổ điển Anh
320. Các phương án trên đều đúng
321. Sự thay đổi căn bản, toàn diện và triệt để một hình thái kinh tế - xã hội bằng một hình thái kinh tế - xã hội khác được gọi là:
322. Đột biến cách mạng
323. Cách mạng xã hội
324. Cải cách xã hội
325. Tiến bộ xã hội
326. Liên Xô và Đông Âu đã có thời gian từng được gọi là:
327. Pháo đài bất khả chiến bại
328. Chiếc cối xay thịt
329. Thành trì xã hội chủ nghĩa
330. Tất cả phương án trên
331. Sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu làm cho:
332. Tính chất và nội dung của thời đại ngày nay thay đổi
333. Tính chất và nội dung của thời đại ngày nay không thay đổi
334. Mâu thuẫn thời đại thay đổi
335. Xu hướng thời đại thay đổi
336. CNXH bắt đầu rơi vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng trong giai đoạn nào?
337. Từ 1917 đến 1945
338. Từ 1945 đến đầu những năm 70
339. Từ những năm 70 đến cuối những năm 80
340. Từ đầu những năm 90 đến nay
341. Mục tiêu giai đoạn thứ nhất của cách mạng XHCN là gì?
342. Giải phóng con người, giải phóng xã hội
343. Giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động
344. Xóa bỏ bóc lột đem lại đời sống ấm no cho nhân dân
345. Các phương án trên đều đúng
346. Đâu là đặc trưng cơ bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa?
347. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ cơ bản để thực hiện quyền lực của nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.
348. Nhà nước xã hội chủ nghĩa vì lợi ích của giai cấp công nhân, trấn áp kẻ chống đối, phá hoại Đảng cộng sản
349. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là kiểu nhà nước nguyên nghĩa
350. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước lôi cuốn giai cấp công nhân lãnh đạo, quản lý xã hội
351. Chức năng chính của tôn giáo là gì?
352. Đền bù một cách hư ảo những cái con người còn thiếu trong hiện thực
353. Hướng con người đến cuộc sống tốt đẹp hơn
354. Giáo dục đạo đức chân chính cho con người
355. Giải phóng con người khỏi nỗi đau trong hiện thực
356. Chọn đáp án đúng. Chủ trương của Đảng ta đối với hoạt động tôn giáo?
357. Cấm mọi hình thức sinh hoạt tôn giáo
358. Phân biệt giữa người có tín ngưỡng và không có tín ngưỡng
359. Nhanh chóng thủ tiêu tôn giáo
360. Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng
361. Muốn cho cách mạng xã hội nổ ra và giành thắng lợi, ngoài tình thế cách mạng thì cần phải có:
362. Nhân tố chủ quan.
363. Sự chín muồi của nhân tố chủ quan và sự kết hợp đúng đắn nhân tố chủ quan và điều kiện khách quan.
364. Tính tích cực và sự giác ngộ của quần chúng.
365. Sự khủng hoảng xã hội
366. Những hình thức nào sau đây thể hiện sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa các dân tộc?
367. Chiến tranh
368. Trao đổi hàng hoá
369. Trao đổi văn hoá, khoa học
370. Các phương án trên đều đúng
371. Trong các cơ cấu hợp thành cơ cấu xã hội thì cơ cấu nào giữ vai trò quyết định trong việc hình thành các quan hệ xã hội.
372. Cơ cấu đảng phái
373. Cơ cấu nghề nghiệp
374. Cơ cấu giai cấp
375. Cơ cấu tôn giáo
376. Trong một quốc gia có nhiều dân tộc như nước ta thì việc giải quyết các vấn đề nào được coi là có ý nghĩa cơ bản để các dân tộc thực sự bình đẳng?
377. Ưu tiên giúp đỡ tư liệu sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số
378. Kiên quyết chống biểu hiện kỳ thị dân tộc
379. Nâng cao trình độ văn hóa cho đồng bào dân tộc thiểu số
380. Xóa bỏ dần sự chênh lệch về mọi mặt giữa các dân tộc do lịch sử để lại.
381. Để tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc ở nước ta hiện nay thì chính sách cụ thể nào được coi là vấn đề cực kỳ quan trọng?
382. Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo cán bộ dân tộc ít người
383. Phát huy truyền thống đoàn kết
384. Tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quá của các dân tộc
385. Phát triển kinh tế hàng hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số
386. Câu nói “Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân” là của ai?
387. Hêghen
388. Phơbách
389. Mác
390. Lênin
391. Vì sao nói tôn giáo là phạm trù lịch sử?
392. Vì tôn giáo ra đời phát triển cùng với con người
393. Vì tôn giáo chỉ ra đời, tồn tại trong một giai đoạn nhất định của lịch sử loài người
394. Vì tôn giáo xuất hiện rất sớm và nó ngày càng phát triển cùng với sự phát triển của loài người
395. Vì tôn giáo phản ánh khát vọng của con người
396. Vì sao tôn giáo mang tính chính trị?
397. Do sự kém hiểu biết của con người
398. Vì tôn giáo hướng con người đến thế giới không có thực
399. Vì tôn giáo có giá trò tích cực về mặt đạo đức
400. Vì các giai cấp bóc lột thống trị thường lợi dụng tôn giáo để phục vụ lợi ích của mình
401. Thế nào là xóa bỏ mặt chính trị của tôn giáo?
402. Là xoá bỏ mặt hư ảo của tôn giáo
403. Là xoá bỏ sự tồn tại của các tôn giáo
404. Là xoá bỏ kẻ lợi dụng tôn giáo
405. Là xoá bỏ mọi quan hệ quốc tế của tôn giáo.
406. Vì sao phải có quan điểm lịch sử khi giải quyết vấn đề tôn giáo?
407. Vì ở mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò, tác động của từng tôn giáo với đời sống xã hội không giống nhau
408. Vì sự ra đời của tôn giáo không giống nhau
409. Vì tôn giáo tồn tại ở nhiều nước khác nhau
410. Vì sự hình thành và phát triển của tôn giáo gắn liền với sự hình thành, phát triển của loài người
411. Sự khác nhau cơ bản giữa cộng đồng dân tộc và cộng đồng bộ tộc là ở điểm nào?
     1. Khác nhau ở nơi cư trú
     2. Khác nhau về văn hóa, tâm lý
     3. Khác nhau ở mối quan hệ gắn bó về kinh tế giữa các thành viên
     4. Khác nhau ở tiếng nói và phong tục, tập quán, tín ngưỡng
412. Trong các nội dung của quyền dân tộc tự quyết thì quyền nào được coi là cơ bản nhất?
413. Tự quyết về kinh tế
414. Tự quyết về chính trị
415. Tự quyết về văn hóa
416. Tự quyết về lãnh thổ
417. Sự biến đổi về cơ cấu xã hội – giai cấp gắn liền và qui định bởi sự biến động của cơ cấu nào?
418. Cơ cấu xã hội – dân số
419. Cơ cấu xã hội – dân cư
420. Cơ cấu xã hội – kinh tế
421. Cơ cấu xã hội – dân tộc
422. Điền từ còn thiếu vào ô trống để hoàn thiện câu sau của Hồ Chí Minh. “nước ta là nước dân chủ, nghĩa là do nhân dân làm chủ. nhân dân có quyền lợi là chủ thì phải có …làm tròn bổn phận công dân”
423. Trách nhiệm
424. Nghĩa vụ
425. Trình độ để
426. Khả năng để
427. Trong những mâu thuẫn cơ bản của thời đại ngày nay, mâu thuẫn nào là nổi bật, xuyên suốt, mang tính toàn cầu?
428. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản
429. Mâu thuẫn giữa tư bản và lao động
430. Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc
431. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản với nhau
432. Cơ sở để xác định thời đại và phân chia thời đại?
433. Hình thái kinh tế xã hội và vị trí của giai cấp ở vị trí trung tâm của thời đại
434. Vị trí của giai cấp ở vị trí trung tâm
435. Sự phát triển của lực lượng sản xuất phù hợp với một quan hệ sản xuất nhất định
436. Cách mạng xã hội chủ nghĩa do giai cấp công nhân lãnh đạo thành công
437. Điền từ còn thiếu vào chổ trống. Đảng cộng sản là .. chiến đấu, là bộ tham mưu của giai cấp công nhân, là biểu hiện tập trung phẩm chất, nguyện vọng, trí tuệ của giai cấp công nhân và của dân tộc.
438. Đội tiên phong
439. Lực lượng
440. Cơ sở
441. Cơ quan chỉ huy
442. Điền từ còn thiếu vào chổ trống. Giai cấp công nhân là cơ sở … của Đảng Cộng Sản, là nguồn bổ sung lực lượng của Đảng cộng sản.
443. Giai câp
444. Chính trị
445. Chính trị - giai cấp
446. Chính trị - xã hội
447. Đặc điểm ra đời của giai cấp công nhân Việt Nam như thế nào?
448. Ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp
449. Phần lớn xuất thân từ nông dân
450. Chịu sự áp bức, bóc lột của đế quốc, phong kiến và tư sản
451. Các phương án trên đều đúng
452. Ai là người đưa ra quan niệm “CNXH là sự phản kháng và đấu tranh chống sự bóc lột người lao động, một cuộc đấu tranh nhằm hoàn toàn xóa bỏ sự bóc lột”
453. S. phurie
454. C. Mác
455. Ph. Ănghen
456. V.Lênin
457. Ai là người đặt ra vấn đề sử dụng và học tập các kinh nghiệm của chủ nghĩa tư bản để cải tạo nền kinh tế tiểu nông, lạc hậu?
458. C. mác
459. Ph. Ănghen
460. Lênin
461. Stalin
462. Mâu thuẫn cơ bản nhất của thời đại ngày nay là mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Mâu thuẫn này xuất hiện từ thời điểm nào?
463. Sau khi học thuyết Mác ra đời (1848)
464. Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai (1945)
465. Từ sau cách mạng tháng Mười Nga (1917)
466. Từ sau khi Liên Xô sụp đổ
467. Xu hướng thứ nhất của sự phát triển dân tộc là gì?
468. Xu hướng phát triển nền văn hóa và tâm lý riêng của mỗi dân tộc
469. Xu hướng tách ra để hình thành các cộng đồng dân tộc độc lập
470. Xu hướng các dân tộc mong muốn xích lại gần nhau để cùng phát triển
471. Các phương án trên đều sai
472. Điều kiện và tiền đề kinh tế - xã hội để xây dựng gia đình trong chủ nghĩa xã hội là gì?
473. Là việc hoàn thiện các chính sách văn hóa – xã hội
474. Là việc phát triển giáo dục, đào tạo
475. Là việc phát triển khoa học – công nghệ hiện đại
476. Là việc thủ tiêu chế độ người bóc lột người
477. Tính tất yếu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hóa – tư tưởng xuất phát từ căn cứ nào?
478. Xuất phát từ cuộc đấu tranh giai cấp trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng trong thời đại ngày nay
479. Xuất phát từ nhu cầu không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động
480. Xuất phát từ yêu cầu giải quyết các mối quan hệ quốc tế
481. Các phương án trên đều đúng
482. Phát minh nào của Mác và Ănghen được coi là cơ sở lý luận trực tiếp hình thành nên bộ phận thứ ba trong học thuyết của Mác?
483. Chủ nghĩa duy vật lịch sử
484. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
485. Học thuyết giá trị thặng dư
486. Sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân